

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2017**

**DRI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

*PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI*

# MỤC LỤC



Phần I	THÔNG TIN CHUNG
08	THÔNG TIN KHÁI QUÁT
09	TẦM NHÌN-SỨ MỆNH-GIÁ TRỊ CỐT LÕI
10	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
12	MÔ HÌNH BỘ MÁY QUẢN LÝ
14	NGÀNH NGHỀ - ĐỊA BÀN KINH DOANH
16	NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC
16	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
18	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO
Phần II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
24	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
27	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
28	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
30	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	Phần III
<b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>Phần IV</b>
<b>BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>Phần V</b>
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY	52
PHÂN TÍCH SWOT	54
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	56
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	57
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	58
GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	59
<b>BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>Phần VI</b>
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH CAO SU THẾ GIỚI	62
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	62
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH CAO SU TRONG NƯỚC	63
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC	63
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT	64
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>Phần VII</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>Phần VIII</b>



### Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư !

Năm 2017, Việt Nam đã đánh dấu kỷ lục về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài trong 10 năm qua. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra; vốn FDI đạt 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với năm 2016. Ngành cao su Việt Nam tự hào đã đóng góp to lớn vào thành công đó với vị thế thứ 3 thế giới về sản xuất và nhập khẩu cao su thiên nhiên. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp cao su trong nước nói riêng tiếp tục phải đối mặt với những sức ép cạnh tranh và áp lực lớn về lợi nhuận trong thời kỳ hội nhập mới.

Năm 2017, với diễn biến giá cao su có cải thiện vào những tháng đầu năm 2017 nhưng sau đó đã nhanh chóng giảm lại cho đến nay cho thấy sự thiếu ổn định, các yếu tố thuận lợi và rủi ro đan xen nhau, khiến cho ngành cao su còn rất nhiều những khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã sâu sát trong chỉ đạo, đặc biệt quản lý tốt giá thành sản phẩm, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình theo điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị. Cụ thể : Tổng doanh thu được 582,54 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 144,5 tỷ đồng; tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt 24,8%; chia cổ tức 10% vốn điều lệ, từng bước đẩy mạnh xuất khẩu trên các thị trường sẵn có như Mỹ, châu Âu, Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ và

mở rộng sang các thị trường khác.

Năm 2017 khép lại với một kết quả đáng trân trọng, là sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể CBCNV DRI dưới sự dẫn dắt của HĐQT. Năm 2018, dự kiến vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn do những biến động khó lường của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước, thực trạng ngành cao su thế giới vẫn còn dư cung. Trước những thách thức này, HĐQT DRI tiếp tục sát cánh cùng Ban điều hành từng bước xây dựng lộ trình đưa công ty phát triển theo đúng tầm nhìn và sứ mệnh; từng bước đầu tư các dự án tiềm năng tại Đắk Lắk và Đắk Nông, đưa công ty phát triển bền vững, trong điều kiện kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và rộng với kinh tế thế giới; quyết tâm hoàn thành các mục tiêu của năm 2018 mà ĐHĐCĐ thường niên giao.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, người lao động đang cống hiến hết mình tại DRI. Đặc biệt, tôi cũng gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách hàng, đối tác, cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng DRI trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển, hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng!

### **Nguyễn Việt Tượng**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tháng 4 năm 2018

# THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

**DRI**



Tên giao dịch đầy đủ là Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6001271719 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2012 , thay đổi lần thứ 7 ngày 29/09/2015. Trụ sở chính tại 30 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk. Với hoạt động chính là quản lý các dự án đầu tư cây cao su và các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào.

Vốn điều lệ: 732.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 732.000.000.000 đồng

Số điện thoại: (262) 3 867 676

Số fax: (262) 3 865 303

Website: www.dri.com.vn

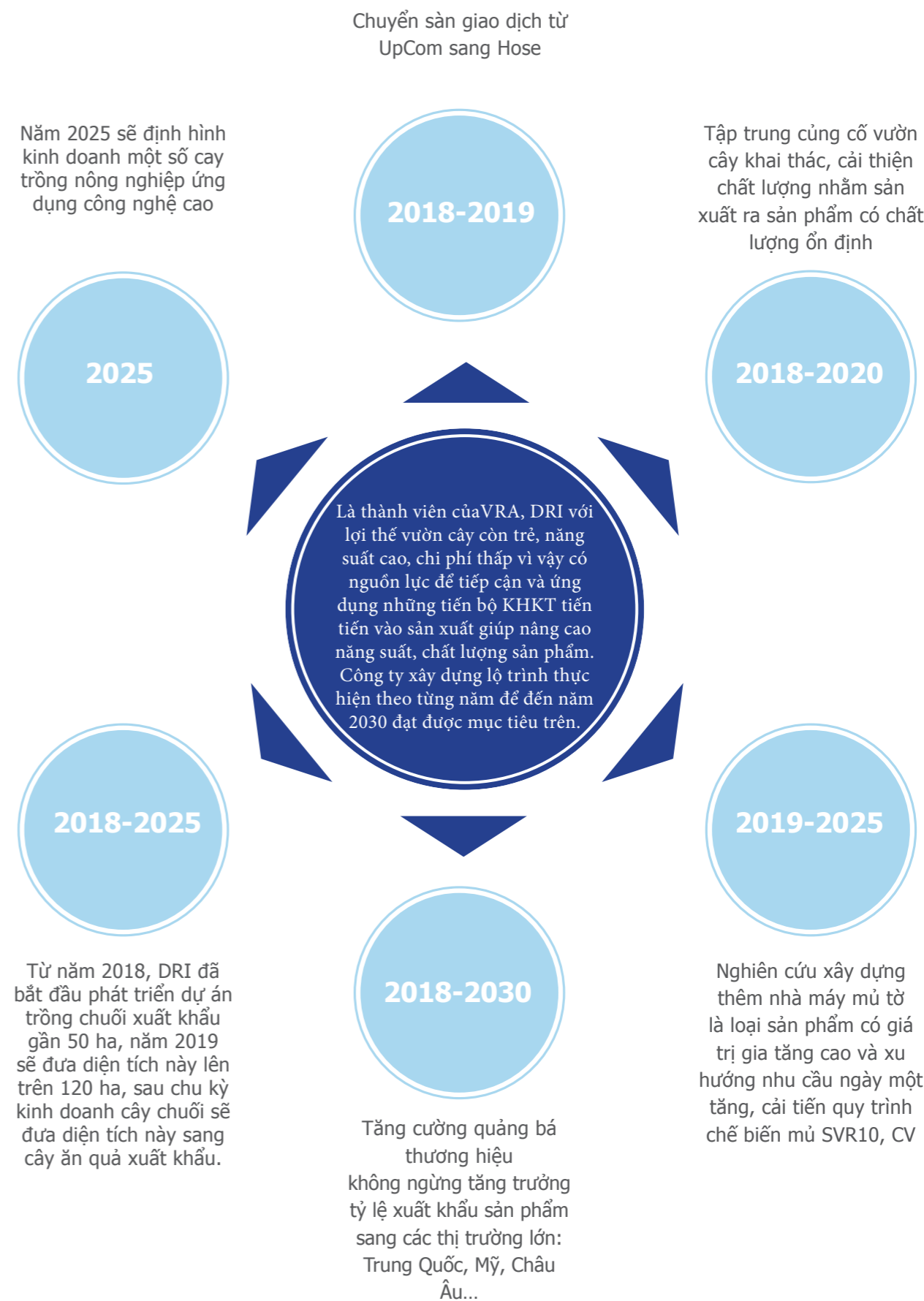
Email: dri@dri.com.vn

Mã chứng khoán: DRI

**TẦM NHÌN- SỨ MỆNH-GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

**Tầm nhìn:** Đến năm 2030 là một Công ty có danh tiếng trong ngành cao su Đông Nam Á. Đến năm 2025 sẽ định hình kinh doanh một số cây trồng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**Sứ mệnh:** Hướng đến sự phát triển bền vững, mang lại lợi ích bền vững cho các bên liên quan: cộng đồng, người lao động, khách hàng, đối tác và các cổ đông của Công ty.



## SẢN XUẤT KINH DOANH

### Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Năng suất bình quân phần đầu đến năm 2020 đạt >2,5 tấn/ha; Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính ổn định và đồng đều của sản phẩm; sản xuất những sản phẩm chất lượng có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; Không ngừng quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu Công ty với khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với các tham tán thương mại; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và hội thảo trong và ngoài nước.
- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ tốt, tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động không quá 7,5 %
- Củng cố thâm canh vườn cây, kiểm soát việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ KHKT, phương pháp quản lý hiệu quả vào sản xuất nhằm đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây, duy trì năng suất cao ổn định;
- Làm tốt công tác quản trị chi phí, giá thành, luôn duy trì giá thành mủ cao su và hạt điều ở mức hợp lý, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, lợi ích cho các cổ đông;



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Quản lý tốt các dự án phát triển cao su tại các tỉnh Nam Lào;
- Phát triển thêm các dự án trong nước về sản xuất Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao như sản xuất các loại trái cây phục vụ cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Đầu tư mua cổ phần, tham gia cổ đông chiến lược ở các Công ty có nền tảng tốt đang trong quá trình cổ phần hóa;
- Xây dựng hệ thống nền tảng vững chắc nhằm phát triển các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Công ty;
- Xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo và các thành viên khác trong Công ty;
- Xây dựng và triển khai Lộ trình Phát triển cao su bền vững, thân thiện với môi trường, cộng đồng. Mang lại lợi ích bền vững cho Công ty và các bên liên quan.



### Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

#### Về môi trường

- Hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, tạo sinh kế ổn định cho dân cư trong vùng dự án, thay đổi tập quán canh tác, bỏ được tập tục du canh, du cư của người dân Lào;
- Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường; Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường tại nước sở tại;

- Phát triển cao su bền vững thông qua chương trình tham gia tự nguyện cùng với một số đơn vị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam như triển khai chương trình reddy+, xin xác nhận chứng chỉ FSC cho các diện tích trồng cao su của Công ty, ..
- Phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đắk Lắk, Đắk Nông – Việt Nam theo hướng tăng hệ số sử dụng đất, sử dụng nước tiết kiệm, áp dụng công nghệ sinh học, giảm thiểu việc gây ô nhiễm môi trường...

#### Xã hội và cộng đồng:

- Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tại mỗi Nông trường cao su Công ty đều xây dựng trạm Y tế để khám chữa bệnh cho công nhân và nhân dân trong vùng dự án, hỗ trợ xây dựng trường học, làm đường nội bộ, trạm điện, nước sạch, hỗ trợ xây dựng các công trình tôn giáo( chùa) và các hộ trợ bằng tiền khác cho địa phương;
- Phát triển các dự án tại Đắk Lắk, Đắk Nông – Việt Nam nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại vùng dự án, đưa công nghệ mới vào sản xuất, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương nơi sản xuất.
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ Luật pháp, trong đầu tư tại nước ngoài tuân thủ tốt các quy định theo Luật pháp của nước bạn, không vi phạm các quy định trong công ước về lao động Quốc tế trên địa bàn hoạt động, thực hiện tốt các quy định trong Hiệp định ký kết giữa hai bên;
- Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo sự an toàn, giảm lao động nặng nhọc, độc hại.

## MÔ HÌNH BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan



### Các Công ty con, Công ty liên kết:

#### Công ty con:

Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào ( Daklaoruco)

- Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu: 100%

Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI

- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 VNĐ ( Hai mươi tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu : 75%

#### Công ty liên kết:

Không có.

## ĐỊA BÀN VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Mỹ đứng thứ 2 trong những thị trường xuất khẩu trong năm 2017 của DRI với 27,97% tỷ trọng sản lượng xuất khẩu đạt hơn 461,76 tấn cao su

Thị trường xuất khẩu mạnh nhất của DRI là tại Malaysia, chiếm 58,6% tỷ trọng sản lượng xuất khẩu đạt hơn 967,48 tấn cao su

### Địa bàn kinh doanh

- Vườn cao su được trồng tại 2 tỉnh Chăm PaSăk và Salaval tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Cây trồng nông nghiệp khác tại tỉnh Đăk Lăk, Đăk Nông.
- Sản phẩm được xuất bán đi các nước Malaysia, Mỹ, Ấn độ, Singapore, Trung Quốc, ..

### Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây cao su.
- Chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên.
- Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác.
- Bán buôn máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su, sản xuất nông nghiệp.



Tỷ lệ xuất khẩu 2017



Kế hoạch xuất khẩu 2018



## NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2017

- Trở thành công ty có năng suất vườn cây cao nhất ngành với năng suất bình quân 2,37 tấn/ha;
- Có giá thành thuộc nhóm thấp nhất ngành nhờ quản trị tốt chi phí và năng suất/ha cao;
- Mở rộng nhà máy và nâng công suất chế biến lên 18.000 tấn/năm.
- Nghiên cứu, sản xuất và xuất bán thành công sản phẩm SVR CV60 là dòng sản phẩm có chất lượng cao, có giá trị gia tăng trên tấn sản phẩm cao hơn các dòng truyền thống khác.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cao Su Đắk Lắk được thành lập theo giấy phép hoạt động số 6001 271719 do Sở kế hoạch và đầu tư Đắk Lắk cấp ngày 24/2/2012. Đến nay công ty đã 7 lần thay đổi giấy phép hoạt động. Công ty được thành lập theo đề án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk với vốn điều lệ là 500.000.000.000 VNĐ nhằm quản lý dự án đầu tư cây cao su và các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào.

04/2012

Công ty bắt đầu xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Lào với công suất 10.000 tấn/năm và đã đưa vào hoạt động. Công ty tiếp quản lại Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (DAK-LAORUCO) tại Lào từ Công ty mẹ Dakruco. Từ đó DRI ngày một khẳng định được thương hiệu cao su DRI-DAKLAORUCO trên thị trường thế giới.

2013

Công ty xây dựng phương án phát hành tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm bổ sung vốn lưu động cho các dự án trồng mới cao su, mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến mủ cao su.

2014

Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên thành 732.000.000.000 VNĐ.

2015

80% diện tích vườn cây cao su đã đưa vào khai thác với doanh thu đạt hơn 400 tỷ đồng và nhân sự đến hơn 2.400 người.

2016

Công ty được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng

2017

Thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom vào ngày 23/5/2017

## CÁC RỦI RO

### Rủi ro về kinh tế

Năm 2017 nền kinh tế toàn cầu có bước tăng trưởng khả quan hơn so với dự kiến ban đầu và cao hơn so với năm 2016. Các nền kinh tế đầu tàu như Mỹ, Trung Quốc và các nước Châu Âu đều đạt được con số tăng trưởng khả quan bất chấp tác động của những yếu tố bất lợi như xu thế gia tăng bảo hộ thương mại toàn cầu. Khu vực cộng đồng kinh tế ASEAN, nhờ sự hội nhập ngày càng lớn và công cuộc cải cách không ngừng, ASEAN đang trở thành một trong những khu vực phát triển năng động nhất. Nền kinh tế nước ta trong năm 2017 diễn ra trong bối cảnh các nền kinh tế lớn trên thế giới tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng ổn định. Hoạt động thương mại và toàn cầu hóa diễn ra sôi động ảnh hưởng tích cực đến hoạt động giao thương và sản xuất trong nước. Tăng trưởng kinh tế khởi sắc với tốc độ tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước ở hầu hết các ngành, lĩnh vực. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và xuất khẩu có bước đột phá;

Giá cao su ngoài chịu sự tác động của yếu tố cung-cầu còn chịu tác động của các yếu tố bên ngoài khác như tăng trưởng kinh tế toàn cầu, sự mạnh lên hay giảm đi của các đồng tiền mạnh như USD, Yên nhật, giá dầu thô, ... Năm 2017 mặc dù có những thuận lợi về cắt giảm sản lượng của các nước OPEC, tuy nhiên với tình trạng dư thừa nguồn cung đã kéo giá dầu giảm xuống gây tác động tiêu cực đến giá bán cao su thiên nhiên; Ngoài ra sự mạnh lên của đồng USD sẽ khiến các Quỹ đầu cơ sẽ chuyển dịch sự đầu tư từ hàng hóa và tài sản khác sang đầu tư bằng trái phiếu và tài sản khác bằng USD cũng khó thúc đẩy cao su thiên nhiên tăng giá.



### Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với địa bàn hoạt động tại Lào, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý tại Lào. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách tại nước Lào đang được đổi mới, do vậy Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su.

### Rủi ro khác

Những rủi ro khác có thể nói đến như rủi ro về chính sách tỷ giá, sự bất ổn về chính trị... Tuy nhiên trong những năm qua Nước Lào có chính sách tỷ giá ổn định, ổn định về chính trị, người dân Lào hiền lành, ..nên cũng hạn chế được rủi ro cho Công ty.

## RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ KINH DOANH

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và DRI nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào giá dầu thô, Chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Nhật, dự trữ cao su của Trung Quốc, tình hình tăng trưởng kinh tế toàn cầu, cung cầu, địa chính trị,.....

Trung Quốc là nước tiêu thụ khoảng 60% sản lượng cao su thế giới, tuy nhiên nước này lại có chính sách miễn giảm thuế cho cao su hỗn hợp trong khi ngành cao su Việt Nam không sản xuất sản phẩm này, gây bất lợi khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc; Bên cạnh đó, cao su là ngành sản xuất đặc biệt khi sản lượng và năng suất phụ thuộc khá nhiều vào giống cây, điều kiện thổ nhưỡng, đất đai ở từng vùng, từng địa phương. Khi vườn cây ở độ tuổi sung sức, thời tiết thuận lợi và được chăm sóc hợp lý thì cho sản lượng cao. Nhưng khi vườn cây đi vào chu kỳ già cỗi, năng suất giảm dần sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, do đặc thù là ngành nông nghiệp nên chịu nhiều rủi ro từ tình hình thời tiết, khí hậu từng năm, tình hình dịch bệnh, ....tuy nhiên do Lào là nước nằm sâu trong thềm lục địa nên ít bị ảnh hưởng bởi bão, thời tiết nóng ẩm quanh năm phù hợp với sự phát triển của cây cao su và ít sâu bệnh, thời gian nghỉ tạo sinh lý ngắn tạo năng suất /ha cao, đóng góp tích cực vào doanh thu hằng năm của Công ty.

### Rủi ro về các dự án cao su tại Công ty con DAKLAORUCO

Hiện nay, Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (DAKLAORUCO) là Công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào. Do đó tình hình hoạt động tại DAKLAORUCO có ảnh hưởng rất lớn đến với hoạt động kinh doanh của DRI.

Dự án trồng cao su nằm tại nước Lào cách biệt về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, nước bạn có nhiều lễ hội nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

DRI cũng chịu rủi ro về sự thay đổi về các chính sách liên quan đến đầu tư dự án, chính sách thuế,.. của chính phủ Lào và Việt Nam





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ  
HỮU

*Vườn cây thuộc nhóm kinh doanh tư (từ 1-10 năm) với tuổi khai thác bình quân là 5 năm, 90% đã đi vào kinh doanh, tạo ra doanh thu và lợi nhuận, sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất bình quân thuộc nhóm cao nhất ngành cao su Việt Nam, năng suất bình quân của DRI năm 2017 là 2,37 tấn/ha và dự kiến sẽ đạt bình quân 2,5 tấn/ha vào năm 2020;*

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



### Kết quả kinh doanh năm 2017 DRI đạt được như sau:

- Doanh thu thuần đạt hơn 582 tỷ đồng tăng tương đương 45,37 % so với năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 144,5 tỷ đồng, tăng tương đương 567,74 % lợi nhuận sau thuế cùng kỳ và bằng 75,17% kế hoạch năm 2017.

Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thực hiện tại công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn là Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào. Công ty con tại Lào hiện đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 7.779,28 ha đã đưa vào khai thác; 498,64 ha điều và 17,65 ha bạch đàn. 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2017 là 2,37 tấn/ha, trong đó năng suất ở những vườn kinh doanh năm thứ 6 đạt trên 3 tấn/ha.

Sản lượng năm 2017 là 18.480/15.500 tấn đạt 119,22% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 18,37% so thực hiện năm 2016;. So với quy trình kỹ thuật về khai thác mủ cao su và năng suất bình quân của các công ty cao su trong ngành Cao su Việt Nam thì Công ty có ưu thế tương đương hoặc hơn và nằm trong nhóm năng suất cao và triển vọng do vườn cây đều thuộc nhóm I là nhóm có năng suất đang trên đà đi lên.

### Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So với KH 2017	So với TH 2016
1	Sản lượng						
	Cao su	Tấn	15,614	15,500	18.480	119,22%	118,37%
	Điều	Tấn	134	143	201	140,72%	149,93%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	400	628	582	92,64%	145,37%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,6	192	144,5	75,17%	667,74%
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	25,98%	30%	9,52%	31,73%	36,64%

Là một trong những doanh nghiệp đầu ngành, DRI sở hữu sản phẩm thế mạnh là các loại mủ cốm, và đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường cao su trong nước cũng như xuất khẩu. Các dòng mủ thế mạnh như: SVR CV60, SVR 10, SVR 3L có chất lượng cao, ổn định nên đáp ứng chặt chẽ các yêu cầu của nhà sản xuất về chất lượng, đặc tính, màu sắc và độ đàn hồi.

Bên cạnh đó, DRI đang duy trì nguồn cung nguyên liệu mủ cao su đầu vào ổn định với số lượng lớn. Các vườn cao su đang trong giai đoạn sung sức nhất với năm khai thác cao nhất hiện nay là kinh doanh 7 trong khi trung bình số năm khai thác của cây cao su là từ 20-25 năm là yếu tố quyết định giúp cho sản lượng vườn cây của DRI luôn đạt mức cao. Kết hợp với việc quản trị chi phí tốt giúp cho các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận DRI tăng mạnh so với năm 2016.

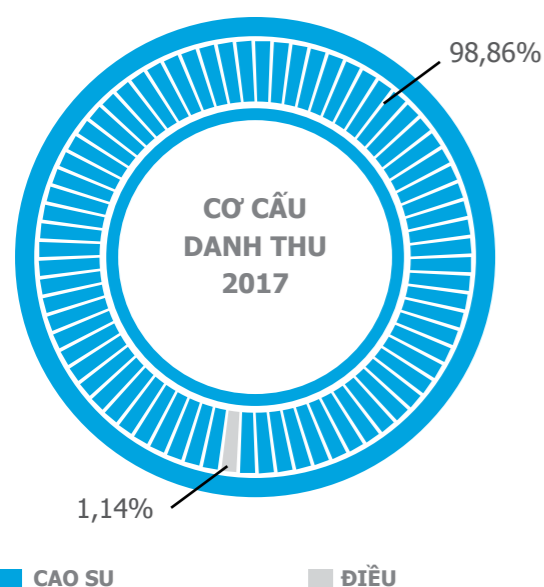


## Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	397.562	99,21%	575.664	98,86%
Điều	2.936	0,73%	6.638	1,14%
Cà phê	244	0,06%	-	0,00%
Tổng Doanh thu	400.742	100,00%	582.302	100,00%

## Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	135.705	-	257.929	99,59%
Điều	(844)	-	1.057	0,41%
Cà phê	(581)	-	-	-
Lợi nhuận gộp	134.281	100,00%	258.985	100,00%



Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính sản xuất cao su, nên cao su chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của DRI với 98,86%. Bên cạnh đó, công ty với ưu thế vườn cây trẻ, giống tốt, năng suất vườn cây cao, quản lý tốt giá thành sản phẩm, doanh thu cao su tiếp tục có bước tăng trưởng mạnh từ 397.562 tới 575.664 triệu đồng, đạt mức tăng trưởng 45%. Ngoài ra, năm 2017 DRI thu hoạch 201 tấn điều đạt 140.22% kế hoạch, chiếm tỷ trọng 1,14% trong cơ cấu doanh thu. Công ty hiện đã ngưng đầu tư vào lĩnh vực cà phê do Tỉnh đã thu hồi diện tích đất trồng cà phê này.

Bên cạnh đó, DRI đang triển khai dự án trồng chuối và các cây ăn quả khác tại xã CưKpô, huyện Krôngbuk, Đắk Lắk và năm 2019 bắt đầu cho sản phẩm, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sẽ đóng góp vào sự tăng trưởng về doanh thu trong những năm sắp tới.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## Đầu tư vào Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

Công ty con 1: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk ( Daklaoruco)

- Vốn điều lệ : 25.000.000 USD
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Địa chỉ: Bản Tha Luông, Tỉnh ChămPasăk, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
- Hiện nay Daklaoruco đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 7.779,28 ha đã đưa vào khai thác; 498,64 ha điều và 17,65 ha bạch đàn. 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2017 là 2,37 tấn/ha, trong đó năng suất ở những vườn kinh doanh năm thứ 6 đạt trên 3 tấn/ha. Sản phẩm chế biến hiện nay của công ty chủ yếu là SVR 3L, SVR 10 và SVR CV60, chất lượng sản phẩm tốt, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu khách hàng; Công ty xây dựng phòng kiểm định chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công ty con 2: Công ty TNHH Công nghệ cao DRI

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn: 75%
- Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
- Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại chuối chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại trái cây như Mít, Sầu riêng, Bơ, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Chuyên thu mua các loại trái cây chất lượng cao như Chuối, Mít, Sầu riêng, Bơ, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất.
- Hiện nay dự án đang triển khai.



**Tình hình tài chính**

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.576	1.534,07	1.578,75	1.417,78	1.516,46
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	243,59	291,86	412,67	400,74	582,30
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	12,57	2,89	4,77	59,12	189,99
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(4,46)	0,48	0,35	(31,07)	(37,15)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,11	3,38	5,13	28,05	152,84
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,11	3,38	(1,48)	21,64	144,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	-	0%	50,64%

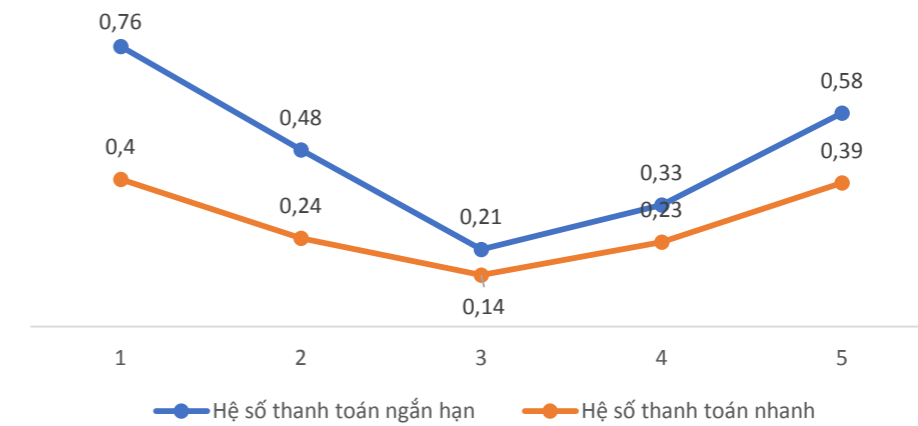
**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>						
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,76	0,48	0,21	0,33	0,58
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,40	0,24	0,14	0,23	0,39
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>						
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	0,52	0,53	0,51	0,48	0,41
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,06	1,12	1,04	0,91	0,68
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>						
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,21	4,3	9,54	7,32	8,68
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,16	0,19	0,27	0,27	0,40
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>						
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,33	1,16	-	5,4	24,58
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	1,27	0,45	-	2,95	17,56
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,52	0,22	-	1,47	9,83
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,16	0,99	-	14,75	32,38

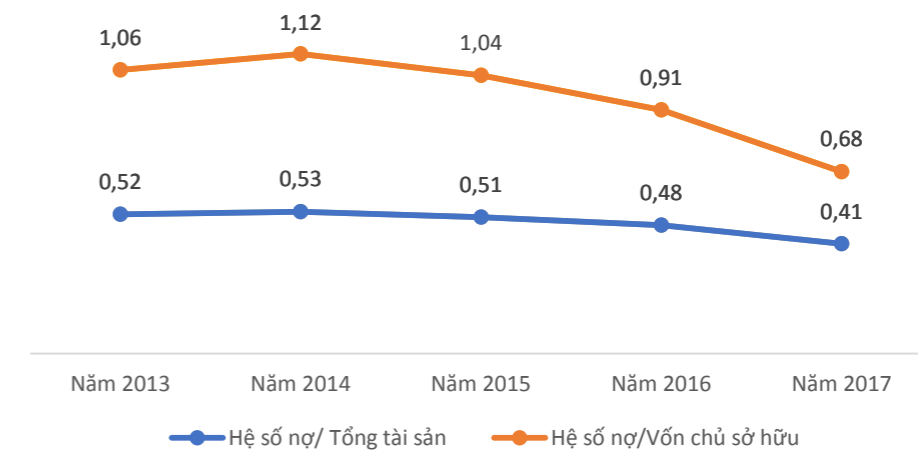
**VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Trong thời gian qua hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng tăng, đặc biệt hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 đã tăng đạt 0,58 lần trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng ở mức 0,39 lần. Công ty chủ động duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, đồng thời duy trì lượng vốn lưu động nhàn rỗi, tối ưu hóa dòng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, không gây lãng phí.

Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như quản lý tốt lượng hàng tồn kho.

**CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN**

Công ty đang có xu hướng không sử dụng quá nhiều đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản trong 5 năm qua giảm dần. Trong năm 2017 cơ cấu nợ trên tổng tài sản giảm còn 0,41 lần và nợ trên vốn chủ sở hữu còn 0,68 lần. Chính sách duy trì nợ vay trên tổng tài sản dưới 0,5 lần như hiện tại sẽ góp phần giảm thiểu áp lực trả nợ và lãi vay cho công ty.

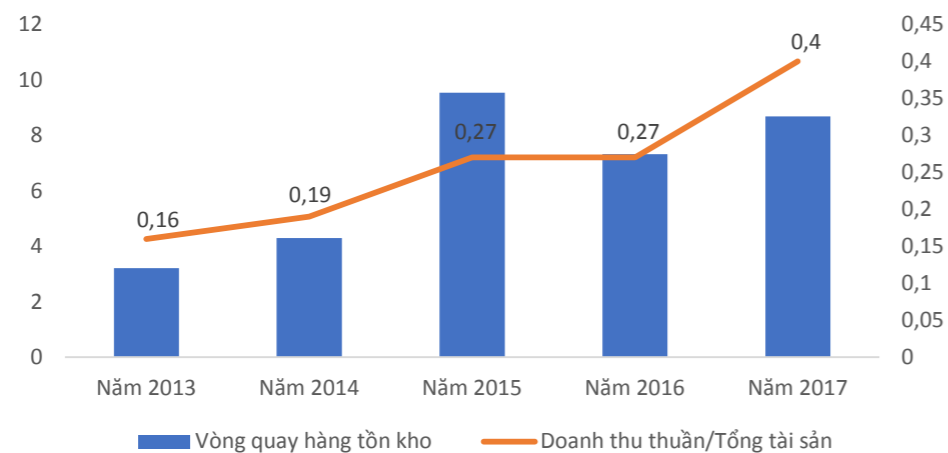


### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản trong năm 2017 có diễn biến cùng chiều.

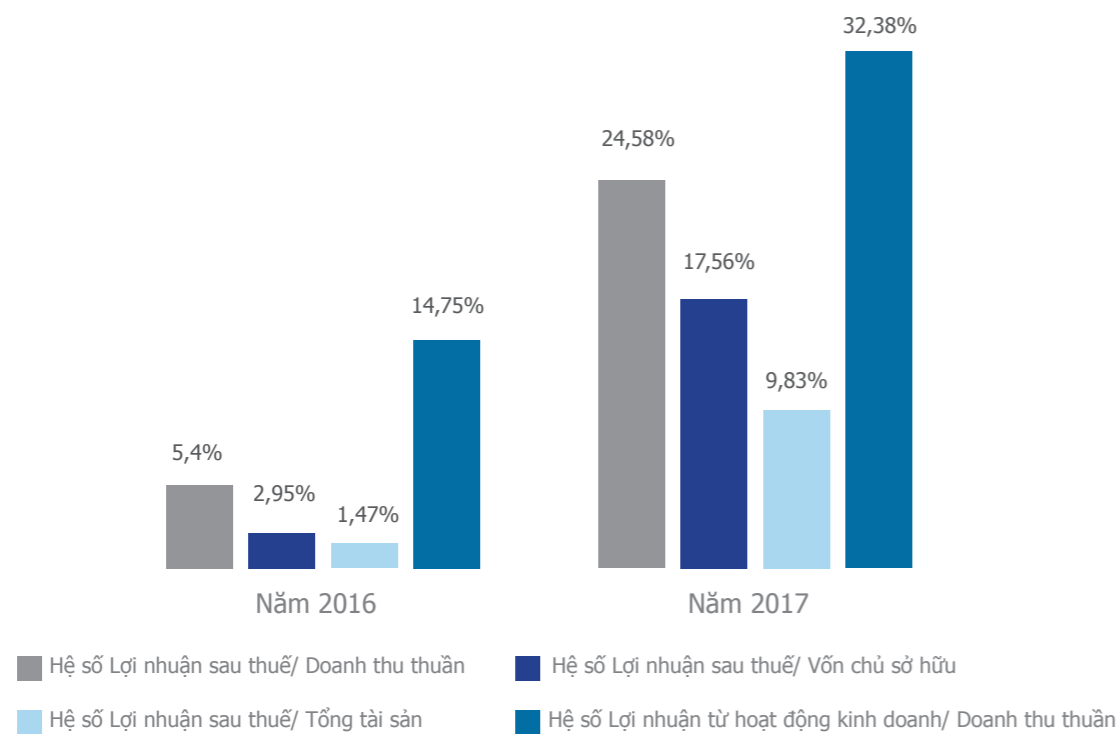
Sản lượng cao su xuất bán năm 2017 tăng 2.368 tấn so với năm 2016 ( Sản lượng xuất bán năm 2016: 14.973 tấn, năm 2017 xuất bán 17.341 tấn), doanh thu thuần của Công ty tăng đến 45,3%, dẫn đến hệ số vòng quay tổng tài sản đạt mức 0,4 lần, cao nhất trong 5 năm gần nhất. Việc vườn cây đều thuộc nhóm I là nhóm có năng suất đang trên đà đi lên kì vọng sẽ giúp DRI có sự trưởng mạnh trong tương lai.

Bên cạnh đó, vòng quay hàng tồn kho tăng so với năm 2016, đạt mức 8,68 vòng, cho thấy doanh nghiệp không để tình trạng lưu kho quá nhiều, chủ động đẩy nhanh tốc độ lưu chuyển hàng tồn kho.



### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các hệ số khả năng sinh lời của công ty đã có sự gia tăng đáng kể so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã tăng lên với tỷ lệ rất lớn so với năm trước, trong khi đó mật dù cũng có sự gia tăng nhưng tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần, và tổng tài sản đều nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. DRI đã có một năm hoạt động thành công với các chỉ số sinh lời đều có sự tăng trưởng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu đã có sự tăng trưởng vượt bậc từ 296 VND/CP năm 2016 lên 1.974 VND/CP năm 2017.





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ: 732.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 73.200.000 cổ phiếu

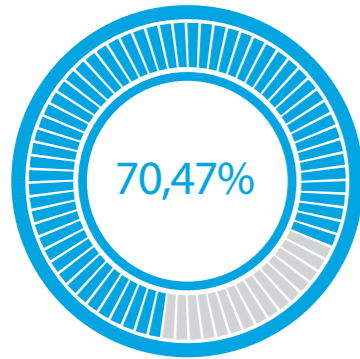
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 73.200.000 cổ phiếu

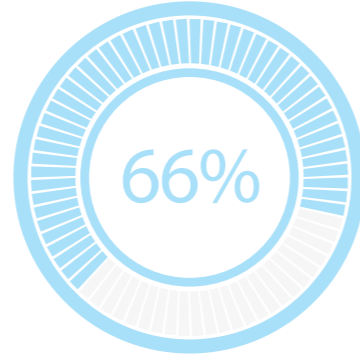
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 73.200.000 cổ phiếu

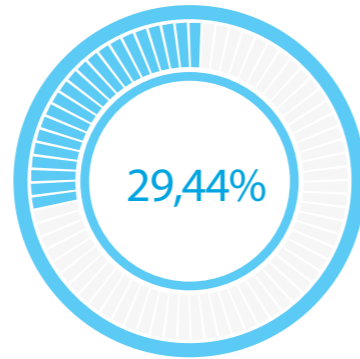
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu



TỔ CHỨC TRONG NƯỚC



CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC



CÁ NHÂN TRONG NƯỚC



### Cơ cấu cổ đông tại ngày 19/03/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1	48.750.000	66,6%
2	Cổ đông trong nước	2.170	73.137.422	99,91%
	- Tổ Chức	10	51.585.922	70,47%
	- Cá nhân	2.160	21.551.500	29,44%
3	Cổ đông nước ngoài	17	62.578	0,09%
	- Tổ chức			0,0%
	- Cá nhân	17	62.578	0,09%
	<b>Tổng</b>	<b>2.187</b>	<b>73.200.000</b>	<b>100%</b>

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk (Dakruco)	6000 175 829	30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	48,750,000	66.598%

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Thanh Căn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
7	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
8	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng
9	Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát
1	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên Ban kiểm soát
11	Ông Âu Quý Vinh	Thành viên Ban kiểm soát





### **Ông Nguyễn Việt Tượng**

#### **Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: 01/01/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Lâm Sinh, cử nhân kinh tế công nghiệp

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 48.750.000 cổ phiếu- 66,6% ( Đại diện phần vốn góp của Dakruco đầu tư vào DRI)

#### **Quá trình công tác**

9/2012-7/2015: Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy thành phố Buôn Ma Thuột

8/2015-nay: Chủ tịch Cty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

16/09/2015-nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

#### **Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:**

- + Chủ tịch Cty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk( Dakruco)
- + CT.HĐQT Cty CP kỹ thuật cao su( Dakrutech)
- + Chủ tịch Công ty TNHH MTV chỉ thun Đắk Lắk

### **Ông Bùi Quang Ninh**

#### **Phó chủ tịch HĐQT**

Năm sinh: 10/08/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 146.316 cổ phiếu (0,2% vốn điều lệ)

#### **Quá trình công tác**

2012-6/2015: Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

6/2015 đến nay: Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

24/12/2012 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk

#### **Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:**

- + Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su
- + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gỗ cao su Đắk Lắk



### **Ông Nguyễn Huy Hùng**

#### **Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 15/03/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 75.022 cổ phiếu ( chiếm 0,102%)

#### **Quá trình công tác**

10/2007-3/2010: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại TP. Hồ Chí Minh

04/2010- nay: Kế toán trưởng- trưởng phòng tài chính kế toán tại Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

24/10/2012- nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

#### **Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không**



**Bà Nguyễn Kim Hoa****Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 04/05/1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 124.196 cổ phiếu (chiếm 0,17%)

**Quá trình công tác**

04/2007-04/2008: Phó Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

05/2008 – nay: Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

24/10/2012- nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:**

Phó Chủ tịch HĐQT Quý Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk

**Ông Lê Thanh Căn****Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc****Giám đốc daklaoruco**

Năm sinh: 20/08/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 (0,00% vốn điều lệ)

**Quá trình công tác**

10/2012: Phó giám đốc Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco).

11/2012-9/2017: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

09/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không****Ông Nguyễn Minh****Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 25/01/1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0,00%)

**Quá trình công tác**

10/2013- 8/2015: Giám đốc Chi nhánh NT Cao su 30/4- Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

9/2015 đến nay: Trưởng phòng kỹ thuật- sản xuất Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

4/2017- nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không****Bà Nguyễn Thị Hải****Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 18/03/1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp – Thạc sỹ kinh tế

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 486.497 (0,66%)

**Quá trình công tác**

6/2012-5/2013: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

06/2013- nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

4/2017 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không**

**Ông Lê Thanh Cường****Kế toán trưởng**

Năm sinh: 10/05/1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 (0,00% vốn điều lệ)

**Quá trình công tác**

06/2006-7/2007: Kế toán Công ty CP cà phê Trung Nguyên

7/2007-10/2013: Kế toán Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk

10/2013 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không**

**Ông Âu Quý Vinh****Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 30/10/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Nông Lâm

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 8.700 cổ phiếu (0,01%)

**Quá trình công tác**

11/2007- 3/2010: Nhân viên kế toán chi nhánh công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại TP. Hồ Chí Minh

4/2010- nay: Nhân viên kế toán, phòng Tài chính kế toán- công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

4/2017-nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không**

**Ông Nguyễn Thạc Hoàn****Trưởng Ban kiểm soát**

Năm sinh: 01/12/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phiếu (0,13%)

**Quá trình công tác**

4/2011-6/2012: Trưởng bộ phận Tiền lương- phòng Nội chính công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

7/2012- nay: Trưởng Ban kiểm soát công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

06/03/2012-nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không**

**Ông Phan Thanh Tân****Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 01/11/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 136.485 cổ phiếu (0,186%)

**Quá trình công tác**

4/2014- 3/2015: Phó Ban kiểm soát công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

01/10/2013- nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

4/2015-nay: Thành viên BKS Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk

**Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không**

**Số lượng cán bộ, nhân viên**

STT	Chi tiêu	Số lượng	(%) Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	86	3.41
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	42	1.67
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật		
4	Lao động phổ thông	2394	94.92
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	2339	92.74
2	Lao động gián tiếp	183	7.26
III	Theo giới tính		
1	Nam	1529	60.63
2	Nữ	993	39.37
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2522</b>	<b>100</b>

**Chính sách nhân sự****Chính sách phúc lợi**

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được DRI đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể, cán bộ công nhân viên Công ty đều được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định Pháp luật.

Hàng năm, DRI tổ chức định kỳ các đợt tham quan, nghỉ mát cho cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các trò chơi, hoạt động thi đua giữa các bộ phận với nhau để tạo sự khẩn khí giữa mọi người trong công ty và giúp nhân viên thư giãn, giải tỏa mệt mỏi.

Đối với cán bộ nhân viên có thành tích tốt, bên cạnh việc tuyên dương trước công ty, nhân viên sẽ được xem xét để tăng lương nhằm khuyến khích họ phát huy năng lực, hết lòng với công việc.

Ngoài ra, công ty còn tổ chức các chương trình nhân dịp Lễ, Tết Việt Nam, Tết Lào, các ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế phụ nữ, ..cho CBCNV của Công ty.

**Chính sách lương - thưởng**

DRI xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, nhân viên trong công ty sẽ được khen thưởng và điều chỉnh mức lương phù hợp dựa vào thời gian làm việc thực tế, công việc được giao, công sức đóng góp và chất lượng hoàn thành công việc. Những chính sách này là một trong những biện pháp hiệu quả nhằm thu hút những lao động giỏi về với tổ chức và duy trì sự gắn kết giữa người lao động với công ty, giữ chân những người lao động giỏi và huy động tối đa năng lực làm việc của người lao động trong tổ chức.

Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	11.144.686	12.285.000	14.899.750

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

DRI luôn ý thức rằng để kinh doanh bền vững phải đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan, vì vậy trong hoạt động sản xuất kinh doanh DRI luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, điều kiện làm việc cho người lao động, hỗ trợ cho cộng đồng, ....

Về Bảo vệ môi trường, DRI đặc biệt quan tâm đến những vấn đề về xử lý chất thải, tái sử dụng, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, ... nhằm tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng xung quanh khu vực. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, làm nên một nếp sống văn minh nơi công sở. Bên cạnh đó, Công ty còn phát động phong trào trồng cây xanh, tạo cảnh quan xanh-sạch-đẹp góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động.

Về chế độ người lao động, hằng năm DRI đều thực hiện các chuyến tham quan du lịch trong và ngoài nước, tổ chức các các phong trào giao lưu về văn nghệ, thể thao giữa các đơn vị trong ngành và giao lưu với các đối tác ngoài ngành, tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho người lao động. Những hoạt động này góp phần tạo nên một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó Công ty còn quan tâm hỗ trợ cộng đồng như hỗ trợ một phần chi phí cho các lễ hội của địa phương, làm tường rào trường học, cầu tạm qua suối phục vụ dân sinh, ...



### Về lao động

Dự án trồng cao su được triển khai tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, về chất lượng nguồn lao động tại Lào còn nhiều hạn chế do tay nghề chưa cao, người lao động Lào nghỉ việc nhiều do Văn hóa của nước bạn có nhiều lễ hội. Tuy nhiên với sự kiên trì trong công tác đào tạo, kết hợp với chế độ khuyến khích, đôn bẫy về tiền lương, thưởng nên hiện nay chất lượng tay nghề của người lao động Lào đã được cải thiện đáng kể, ý thức chấp hành kỷ luật Lao động ngày càng tăng, người Lào đã chăm chỉ làm việc và biết tích lũy hơn rất nhiều so với trước đây;



### Chính sách liên quan đến người lao động:

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng lao động đến thời điểm 31/12/2017 là 2522 người, trong đó gián tiếp 183 người, tỷ lệ gián tiếp là 7.26%.

Thu nhập bình quân của lao động gián tiếp là 5,57 triệu kip/người/tháng tương đương 15 triệu VND/người/tháng. Lương lao động trực tiếp bình quân trực tiếp 2,76 triệu kip/người/tháng tương đương 7,46 triệu VND/người/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV, tại mỗi Nông trường cao su công ty đều xây dựng 01 trạm xá có y sỹ đa khoa làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe và sơ cứu ban đầu cho CBCNV lao động và nhân dân trong vùng.

Hoạt động đào tạo người lao động

Đào tạo thợ cạo: Trong năm toàn Công ty mở 5 lớp đào tạo với tổng số 150 học viên tham gia. Thời gian đào tạo từ tháng 02-3/2017.

Đào tạo Thư ký ISO chuyên nghiệp: số lượng 20 người tham gia. Thời gian đào tạo 03 ngày (11-13/10/2017)



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, lao động trong vùng dự án để tạo công việc làm ổn định cho người lao động, nhân dân trong vùng dự án, góp phần giữ vững an ninh, trật tự xã hội trong vùng; hỗ trợ xây dựng trường học, đường nội bộ, đường điện, xây dựng các công trình tôn giáo(chùa), hỗ trợ kinh phí cho các lễ hội trong vùng,... quan tâm đến vấn đề môi trường, nguồn nước không ảnh hưởng đến an sinh của cộng đồng, xây dựng hình ảnh tốt về nhà đầu tư tại Nước Lào.

Trong năm 2017 Công ty đã hỗ trợ các hoạt động của địa phương với tổng chi phí hỗ trợ là 221.000.000 kip tương đương 600.000.000 VNĐ gồm: Hỗ trợ chi phí sửa chữa, làm đường, cầu cống, nhà làm việc, xây tường rào trường học tại các bản thuộc vùng dự án; hỗ trợ chi phí tổ chức các hội nghị, chúc tết Lào của các sở ban ngành trong tỉnh Champasak và Salavan; Hỗ trợ chi phí tổ chức các sự kiện của tỉnh như: Lễ hội đua thuyền (Bun Suông Hư), lễ hội trưng bày hàng hóa, lễ kỷ niệm nhân ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Lào – VN, lễ kỷ niệm nhân ngày quốc tế người khuyết tật...

### Các hoạt động, định hướng đến chiến lược phát triển bền vững:

Công ty DRI là một trong 3 công ty trong ngành cao su ký cam kết tham gia Chương trình hướng dẫn tự nguyện xây dựng lộ trình phát triển bền vững cho ngành cao su Việt Nam, cụ thể như sau:

- Xây dựng lộ trình tham gia redd+( Chương trình Quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất, suy thoái rừng, nâng cao chất lượng cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng) và cấp chứng chỉ FSC trên toàn bộ diện tích cao su theo hướng phát triển bền vững.
- Tập trung vào việc thâm canh vườn cây, nâng cao năng suất và nâng cao chuỗi giá trị cung ứng mủ từ vườn cây cho đến sản phẩm cuối cùng
- Tạo mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng địa phương; tăng cường các hoạt động có trách nhiệm xã hội, an sinh xã hội, hướng tới sự minh bạch và tăng cường mở rộng hợp tác với các bên liên quan;
- Chăm lo cải thiện môi trường làm việc, đời sống cho CBCNV lao động, thực hiện tốt các chính sách về phúc lợi, đào tạo cho người lao động.



### Trách nhiệm của Doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:

- Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, lao động trong vùng dự án để tạo công việc làm ổn định cho người lao động, nhân dân trong vùng dự án, góp phần giữ vững an ninh, trật tự xã hội trong vùng; hỗ trợ xây dựng trường học, đường nội bộ, đường điện, xây dựng các công trình tôn giáo(chùa), hỗ trợ kinh phí cho các lễ hội trong vùng,... quan tâm đến vấn đề môi trường, nguồn nước không ảnh hưởng đến an sinh của cộng đồng, xây dựng hình ảnh tốt về nhà đầu tư tại Nước Lào.
- Trong năm 2017 Công ty đã hỗ trợ các hoạt động của địa phương với tổng chi phí hỗ trợ là 221.000.000 kip tương đương 600.000.000 VNĐ gồm: Hỗ trợ chi phí sửa chữa, làm đường, cầu cống, nhà làm việc, xây tường rào trường học tại các bản thuộc vùng dự án; hỗ trợ chi phí tổ chức các hội nghị, chúc tết Lào của các sở ban ngành trong tỉnh Champasak và Salavan; Hỗ trợ chi phí tổ chức các sự kiện của tỉnh như: Lễ hội đua thuyền (Bun Suông Hư), lễ hội trưng bày hàng hóa, lễ kỷ niệm nhân ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Lào – VN, lễ kỷ niệm nhân ngày quốc tế người khuyết tật...

**Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:**

Nhà máy chế biến mủ cao su khi xây dựng công ty có lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong quá trình thực hiện tuân thủ theo các quy định về môi trường theo quy định của Nhà nước Lào. Các chỉ tiêu về tiêu hao năng lượng đều được kiểm soát và tiết kiệm hợp lý để có giá thành chế biến tốt nhất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty so với các đối thủ trong ngành;

**Về Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
- Các nhóm nguyên vật liệu liên quan đến chế biến sản phẩm của công ty gồm nhóm các vật tư chế biến như dầu diezen, túi nilon PE, thảm, mạc PE; các vật tư hóa chất như acid Formic, Bisunfit, HNS, ammoniac, ..và điện nước dùng trong chế biến.
- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Trong các nguyên vật liệu trên đối với loại vật liệu thảm PE công ty tái sử dụng được khoảng 20%

**Tiêu thụ năng lượng:**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Các máy móc thiết bị chế biến mủ cao su hoạt động bằng điện năng, máy sấy mủ cao su thì dùng dầu diezen
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Nhằm nâng cao công tác quản lý và kiểm soát hiệu quả nguồn năng lượng công ty áp dụng các phương pháp như gắn đồng hồ đo nhiên liệu ở dây chuyền chế biến mủ nước và mủ phụ, nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp để tiết kiệm nguyên vật liệu nhằm giảm giá thành chế biến.

**Tiêu thụ nước:**

Trong năm 2017 để chế biến ra 18.513 tấn mủ cao su thành phẩm, công ty sử dụng khoảng 150.400 m<sup>3</sup> nước;

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn nước sử dụng trong chế biến như cán rửa mủ cao su được cung cấp từ từ sông, suối

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nguồn nước sau khi chế biến được xử lý tách hóa chất qua hệ thống hồ xử lý nước thải, không tái sử dụng để chế biến.

Trong năm DRI không có trường hợp không tuân thủ pháp luật các quy định về môi trường.



## **BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

**PHÂN TÍCH SWOT**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**



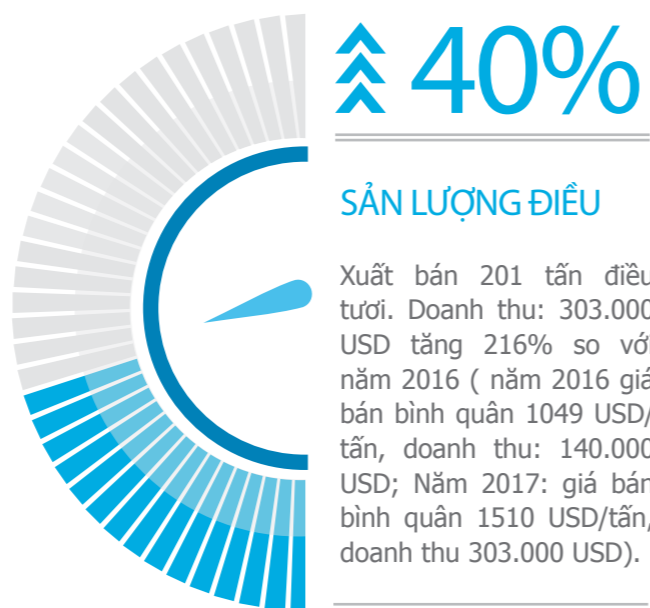
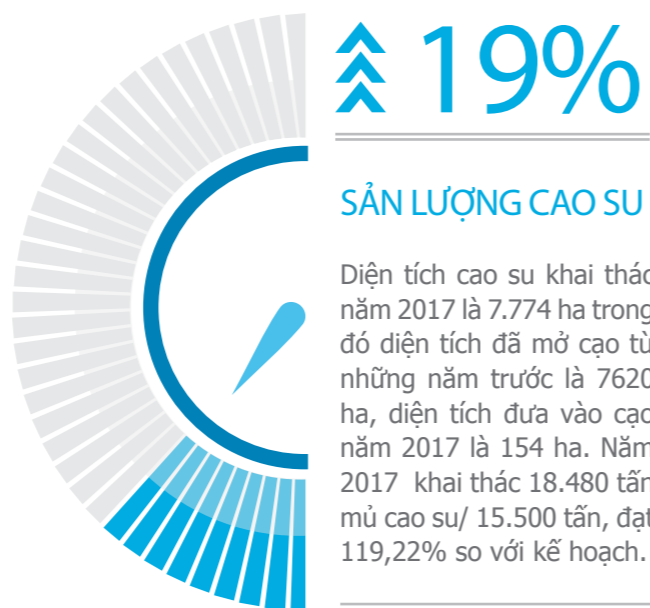
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

### SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù năm 2017 là một năm khó khăn với ngành cao su nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk nói riêng do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, nhu cầu cao su thiên nhiên tăng trưởng thấp trong khi nguồn cung lại tăng nhanh làm giá cao su thiên nhiên giảm liên tục, vào thời điểm đầu năm khi xây dựng kế hoạch giá bán bình quân của Công ty là 1800USD/tấn, đến thời điểm tháng 12/2017 giá bán bình quân của Công ty chỉ ở mức 1382 USD/tấn vì vậy đã kéo giá bán bình quân của năm ở mức 1.511 USD/tấn, do đó các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều không đạt kế hoạch đề ra mặc dù sản lượng khai thác vượt gần 20% so với kế hoạch. Mặt khác lợi nhuận năm 2017 không đạt do Công ty thực hiện xử lý thiệt hại đầu tư từ những năm trước tương đương 1,7 triệu USD.

- Cao su: Sản lượng xuất bán: 17.341 tấn sản phẩm cao su các loại, doanh thu đạt 582 tỷ đồng. giá bán bình quân 34,26 triệu đồng/tấn. Trong đó bán FOB 1651 tấn chiếm tỷ lệ 9,52% với giá bình quân 34,5 triệu đồng/tấn, bán tại kho 15.690 tấn chiếm 90,47%, giá bán bình quân 34,21 triệu đồng/tấn.
- Điều: xuất bán 201 tấn điều tươi. Doanh thu: 303.000 USD tăng 216% so với năm 2016 ( năm 2016 giá bán bình quân 1049 USD/tấn, doanh thu: 140.000 USD; Năm 2017: giá bán bình quân 1510 USD/tấn, doanh thu 303.000 USD)

Tổng doanh thu từ cao su, điều là 582 tỷ đạt 92,64 % KH năm, nguyên nhân do giá bán thấp hơn so với giá bán KH là 16%. ( giá bán kế hoạch là 40,8 triệu đồng/tấn; giá bán thực tế 34,26 triệu đồng/tấn).



**↑ 46%**

**Doanh thu tăng trưởng mạnh 46% so với năm 2016**

**VƯỜN CÂY SINH TRƯỞNG PHÁT TRIỂN TỐT, NĂNG SUẤT CAO ỔN ĐỊNH THUỘC NHÓM ĐỨNG ĐẦU NGÀNH CAO SU VIỆT NAM VỚI NĂNG SUẤT BÌNH QUÂN 2,37 TẤN/HA, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TỐT ĐÁP ỨNG NHU CẦU KHÁCH HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG; CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHẢI TUÂN THỦ THEO QUY ĐỊNH CỦA TIÊU CHUẨN ISO 9001:2008.**



#### Đánh giá tình hình quản lý chất lượng

Về chất lượng sản phẩm: sản phẩm của công ty được kiểm nghiệm bởi hệ thống phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, được quản lý bởi hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008

Về giống và chất lượng vườn cây: Giống cao su mới cho năng suất và sản lượng cao, tỷ lệ ghép và tỷ lệ sống cao (>90%), vườn cây sinh trưởng phát triển tốt,...Đây chính là những yếu tố quyết định giúp cho sản lượng vườn cây của Công ty luôn cao, giảm được giá thành sản phẩm.



#### Đánh giá tình hình nhân sự

Tỷ lệ lao động gián tiếp luôn duy trì ở mức khoảng 7%, đội ngũ CBCNV chủ yếu là những người trẻ, năng động, có tay nghề và tâm huyết với công việc. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo (HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc DRI và Daklaoruco) là những cán bộ lâu năm trong nghề, dày dặn kinh nghiệm.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
1	Khai thác/ thu hoạch				
	+ Cao su	Tấn khô	15.500	18.480	119,22%
	+ Điều	Tấn khô	143	201,23	140,22%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	628,79	582,54	92,64%
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	192,22	144,5	74,01%
4	Tỷ lệ xuất khẩu/ tổng lượng hàng bán	%	30%	9,52%	31,73%
5	Giá vốn hàng bán cao su	Triệu đồng/tấn	28,15	24,1	85,64%
6	Thu nhập bình quân				
	+ Gián tiếp	Tr đ/ người/ tháng	12,6	15	119,04%
	+ Trực tiếp	Tr đ/ người/ tháng	6,1	7,45	122,13%

## PHÂN TÍCH SWOT

### NHỮNG THẾ MẠNH CỦA CÔNG TY

Vườn cây thuộc nhóm kinh doanh trẻ ( từ 1-10 năm) với tuổi khai thác bình quân là 5 năm, 90% đã đi vào kinh doanh, tạo ra doanh thu và lợi nhuận, sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất bình quân thuộc nhóm cao nhất ngành cao su Việt Nam, năng suất bình quân của DRI năm 2017 là 2,37 tấn/ha và dự kiến sẽ đạt bình quân 2,5 tấn/ha vào năm 2020;

Giá thành sản xuất đang thuộc nhóm thấp nhất ngành cao su Việt Nam do quản trị tốt chi phí, năng suất cao nên lợi nhuận tạo ra trên 1 tấn cao su xét về giá trị tuyệt đối đang thuộc nhóm cao của ngành.

Bộ máy quản lý tinh gọn với tỷ lệ gián tiếp/Tổng lao động không quá 7,5% ( tỷ lệ gián tiếp năm 2017 là 7,29%) thuộc nhóm thấp nhất ngành;

Thời điểm mà Chính phủ Việt Nam đang triển khai các chính sách về ưu đãi đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, để DRI có thể phát triển các dự án ở Việt Nam.

### ĐIỂM YẾU

Là một thương hiệu còn rất mới trên thị trường, tỷ lệ xuất khẩu còn chưa cao;

Tỷ lệ nợ ngắn hạn/tài sản ngắn hạn còn cao tuy nhiên dòng tiền sinh ra từ lợi nhuận ngày càng cao đủ để trả lãi vay và gốc vay;

Lực lượng lao động tại Lào tay nghề còn hạn chế hơn so với Việt Nam.

Phát triển sự án mới và mở rộng đầu tư dù đã được đánh giá phân tích kỹ, nhưng trong quá trình thực hiện sẽ có thể xuất hiện một số rủi ro khách quan như: thời tiết, thị trường tiêu thụ sản phẩm...

### CƠ HỘI

Dự báo về sự phục hồi của nền kinh tế thế giới, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ(OPEC) thông báo mở rộng cam kết cắt giảm xuất khẩu dầu thô đến cuối năm 2018 ; trong thời gian tới nhiều Hiệp định thương mại song phương, đa phương được ký kết; cam kết của chính phủ về xây dựng một Chính phủ kiến tạo, tạo nền kinh tế trong sạch, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp; dự báo về tăng trưởng xuất khẩu Quốc gia trong năm 2018 và những năm tiếp theo sẽ là động lực cho phát triển của Ngành cao su Việt Nam;

Việc chuyển sàn giao dịch từ UpCom sang Hose sẽ góp phần nâng cao vị thế của Công ty; Tạo điều kiện để nhiều nhà đầu tư biết đến Công ty hơn, tạo tính thanh khoản tốt hơn cho cổ phiếu DRI và là điều kiện tốt để Công ty có thể huy động thêm nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài;

Sự hỗ trợ tích cực trên nhiều phương diện của Chính quyền địa phương các Tỉnh Nam Lào nơi Công ty phát triển dự án trồng cao su; Sự hỗ trợ tích cực của Hiệp Hội cao su Việt Nam trong việc tiếp cận thông tin, hỗ trợ về mặt chính sách, tiếp cận khách hàng, ..

Tình hình tài chính của Công ty ngày càng tốt hơn qua các năm, dòng tiền về ngày càng nhiều, lợi nhuận tích lũy qua các năm ngày càng lớn, là một cơ hội tốt để công ty thực hiện các dự án, các mục tiêu phát triển trung và dài hạn. Thực hiện chia cổ tức ổn định cho các đồng để tạo niềm tin vững chắc của các nhà đầu tư vào Công ty;

Cơ hội thuận lợi để DRI tranh thủ các chính sách của Việt Nam về ưu đãi đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

### THÁCH THỨC

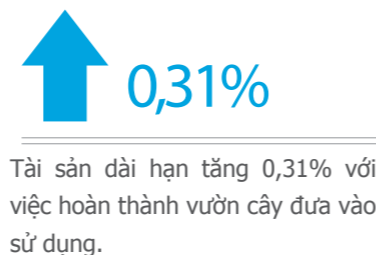
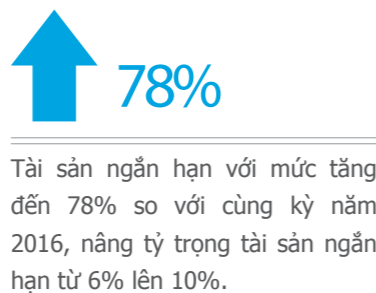
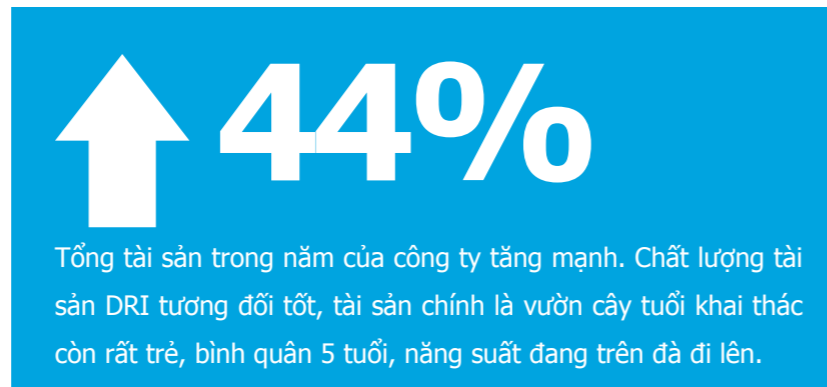
Mức độ cạnh tranh trong ngành cao su ngày càng cao khi các doanh nghiệp lớn như cao su Phước Hòa, Đồng Phú, ...đã có nhiều năm đi đầu về lĩnh vực chế biến, có tiềm lực về tài chính, có thương hiệu, là một thách thức lớn cho những công ty mới còn non trẻ như DRI gia nhập ngành.

Hoạt động của DRI chủ yếu là sản xuất và chế biến cao su, vì vậy diễn biến giá cao su không ổn định như hiện nay sẽ tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Việc đầu tư phát triển dự án mới và mua cổ phần chi phối của doanh nghiệp nông nghiệp quốc doanh thực hiện cổ phần hóa sẽ dẫn đến thách thức về công tác quản trị của Công ty (do quy mô lớn hơn, ngành nghề sản xuất mới...); đồng thời chịu tác động bởi các yếu tố khách quan đến ngành sản xuất nông nghiệp là thời tiết và thị trường.

Việc chuyển giao dịch trên sàn Hose sẽ là thách thức với công ty về các trách nhiệm ràng buộc với cổ đông và các cơ quan hữu quan, tuy nhiên cũng nâng cao tính minh bạch và đây cũng là mục tiêu mà Công ty hướng tới.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Nhìn chung, tổng tài sản trong năm của công ty tăng mạnh. Hoạt động đặc thù trong ngành sản xuất cao su, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản DRI với 90%. Chất lượng tài sản DRI tương đối tốt, tài sản chính là vườn cây tuổi khai thác còn rất trẻ, bình quân 5 tuổi, năng suất đang trên đà đi lên. Trong đó, tài sản cố định hữu hình tăng 36 tỷ đồng, với việc hoàn thành vườn cây đưa vào sử dụng; mua sắm mới tài sản cố định 6,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, những thiệt hại đầu tư từ những năm trước đã được xử lý hết trong năm 2017. Tài sản ngắn hạn với mức tăng đến 78% so với cùng kỳ năm 2016, nâng tỷ trọng tài sản ngắn hạn từ 6% lên 10%.

Nợ dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả của DRI, cụ thể năm 2016 chiếm 62% và năm 2017 chiếm 58%. Trong cơ cấu nợ hiện tại của công ty hầu hết là nợ vay ngân hàng, tuy nhiên được đảm bảo bằng tài sản là vườn cây đang tạo lợi nhuận rất cao. Tổng nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2017 đã giảm 10,61% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nợ dài hạn của DRI giảm mạnh gần 70 tỷ đồng so với đầu năm, nợ ngắn hạn ít biến động do nhu cầu vốn lưu động tương đối ổn định. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu đã tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đang đầu tư tại Lào nên ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đã tác động không nhỏ đến khoản tăng này.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

**1 VỀ VƯỜN CÂY:**  
 Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao ổn định thuộc nhóm đứng đầu ngành cao su Việt Nam với năng suất bình quân 2,37 tấn/ha, chất lượng sản phẩm tốt đáp ứng nhu cầu khách hàng và thị trường;

**2 VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC:**  
 Bộ máy quản lý gọn nhẹ, duy trì tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động trong nhiều năm liền không quá 7,5% trong khi bình quân lao động gián tiếp của ngành khoản 12%, đội ngũ cán bộ nhiệt huyết với công việc;  
 Xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống các quy trình, các chuẩn mực trong sản xuất và chế biến từ đó giúp cho công tác quản lý ngày càng hiệu quả. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Việc kiểm soát chất lượng phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; Giao quyền chủ động cho lãnh đạo các đơn vị để thực hiện một cách linh hoạt kịp thời các kế hoạch của Công ty mà ĐHCĐ, HĐQT giao.

**3 VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM:**  
 Hiện nay công ty đang sản xuất 03 sản phẩm chủ lực là SVR3L, SVR10, và SVRCV60 đáp ứng được nhu cầu khách hàng. Hướng sắp tới Công ty tiếp tục nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, nhu cầu khách hàng nhiều hơn như mủ tờ RSS, SVR 10 theo công nghệ mới.  
 Tập trung cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ổn định để cung cấp cho khách hàng.

**4 VỀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU:**  
 Tham gia các hội trợ triển lãm, các hội nghị khách hàng do Hiệp hội cao su tổ chức, thông qua các tham tán thương mại để quảng bá sản phẩm của Công ty ra nước ngoài.  
 Thực hiện công bố thông tin minh bạch, thực hiện tốt các nghĩa vụ nằm trong các giá trị cốt lõi của Công ty đó là Sự công bằng, Tính trách nhiệm, Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.



## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

- Tổ chức khai thác 18.500 tấn cao su và 203 tấn điều tươi;
- Giá thành cao su: 26,3 triệu đồng/tấn; Tỷ lệ xuất khẩu 30%/tổng lượng hàng bán;
- Thu nhập bình quân lao động trực tiếp 7,38 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân lao động gián tiếp 13,87 triệu đồng/ng/tháng;

- Doanh thu phần đầu 625 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 113 tỷ đồng (với giá bán bình quân dự kiến 32,8 triệu đồng/tấn)
- Triển khai dự án trồng chuối và các cây ăn quả khác tại xã CưKpô, huyện Krôngbuk, Đắk Lắk; tham gia mua cổ phần/ cổ đông chiến lược của các công ty nông nghiệp có nền tảng tốt theo nghị quyết của HĐQT.

### Căn cứ để hoàn thành kế hoạch:

Thường xuyên theo dõi tình hình khai thác tại các đơn vị để có sự chỉ đạo kịp thời, kiểm soát việc chăm sóc và khai thác vườn cây đúng quy trình kỹ thuật. Tổ chức tuyển dụng, đào tạo, bố trí thợ cạo, đảm bảo cạo hết cây hết phần, giảm mức thấp nhất tỷ lệ vắng cạo, kiểm soát và nâng cao tay nghề công nhân khai thác, phấn đấu tỷ lệ thợ cạo trung bình dưới 5%; Tập trung mọi nguồn lực, giải pháp phần đầu tổ chức khai thác vượt từ 3% trở lên trên tổng số kế hoạch sản lượng được giao;

Thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận;

Mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng nâng kim ngạch xuất khẩu từ mức 30% trở lên trên tổng lượng hàng xuất bán; Phát triển các dự án nông nghiệp mới theo chỉ đạo của HĐQT, trên cơ sở đánh giá hiệu quả từng dự án; tổ chức bộ máy quản lý dự án mới tinh gọn, hiệu quả, chú trọng tiết giảm chi phí đầu tư một cách hợp lý, nhằm giảm suất đầu tư, nâng cao hiệu quả của dự án ngay từ đầu.

Tuân thủ các quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001 hiện hành về Hệ thống quản lý và ISO/IEC 17025 trong kiểm tra chất lượng sản phẩm.

### GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

#### Vấn đề cần nhấn mạnh:

Với ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán liên quan đến mục 7.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 104.982.134.606 VNĐ (tại ngày 01/01/2017 là 172.488.181.157 VNĐ). yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của tập đoàn. Tuy nhiên, cổ đông chiến lược của cổ đông mẹ sẽ tiếp tục cung cấp những hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một thời gian có thể dự kiến được. Vì vậy báo cáo tài chính hợp nhất cho tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

#### Giải trình của Ban Giám đốc:

- Nợ ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản vay vốn lưu động và một phần nợ vay dài hạn đến hạn trả trong năm. Tất cả các khoản vay này đều có khả năng thanh toán cả gốc và lãi, đều có tài sản đảm bảo đầy đủ và tài sản được đảm bảo có khả năng sinh lợi tốt.
- Năm 2017 công ty vừa bước qua thời kỳ khó khăn vì những năm trước đây Công ty đang trong quá trình đầu tư, một số diện tích cao su đã đưa vào kinh doanh nhưng lại rơi vào chu kỳ giá thấp nên chưa có lợi nhuận. Từ năm 2017 trở đi Công ty đã có lợi nhuận, gần hết diện tích vườn cây đã đưa vào kinh doanh không còn đầu tư nhiều, nợ ngắn hạn sẽ giảm dần do được bổ sung từ nguồn lợi nhuận giữ lại của năm 2017 và dòng tiền sinh ra từ lợi nhuận ngày càng cao đủ để trả lãi vay và gốc và có tích lũy ngày càng nhiều qua các năm.



## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành**

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Theo Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), năm 2017 sản lượng cao su tự nhiên thế giới ước tính đạt 13,3 triệu tấn, tăng so với mức 12,4 triệu tấn trong năm 2016, tương đương tăng 6,8%. 90% nguồn cung cao su tự nhiên của thế giới được sản xuất bởi các quốc gia trong Hiệp hội. Tiêu thụ cao su tự nhiên toàn cầu ước đạt 12,9 triệu tấn trong năm 2017, tăng 1,4% so với năm 2016.

Hiện Trung Quốc đang là nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới, theo thống kê của Hải quan Trung Quốc trong năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 18,75 tỷ USD, tăng 36,7% so với năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 về cung cấp cao su cho Trung Quốc với kim ngạch tăng 57,8% so với năm 2016. Trong năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ

Việt Nam đã tăng lên đạt 8% so với mức 7,4% của năm 2016. Thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ một số thị trường khác cũng tăng như: Thái Lan, Malaysia, Indonesia...

Cuối năm 2017, giá cao su tăng do 3 nước sản xuất cao su lớn nhất thế giới là Thái Lan, Indonesia và Malaysia quyết định cắt giảm tới 350.000 tấn cao su xuất khẩu. Động thái này nhằm giải quyết vấn đề giá cao su toàn cầu đi xuống. Thông tin này đã tác động lên thị trường bởi nỗi lo nguồn cung sẽ hạn hẹp, qua đó làm tăng áp lực lên giá. Bên cạnh đó, giá cao su tăng mạnh còn bởi giá dầu đi lên mạnh mẽ, hiện ở đỉnh cao nhất trong hơn 2 năm. Giá dầu đắt đỏ làm tăng nhu cầu sử dụng cao su tự nhiên thay thế cho cao su tổng hợp.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017 nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam có nhiều khởi sắc tuy nhiên đối với ngành cao su vẫn còn khó khăn do do nguồn cung đang lớn hơn cầu, giá dầu thế giới có chiều hướng giảm, đã làm giá cao su thiên nhiên liên tục giảm so với thời điểm đầu năm. Tuy nhiên Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao, cụ thể sản lượng khai thác đạt 119,22% kế hoạch, quản trị tốt chi phí giảm giá thành chế biến được 14,35%, mặc dù giá bán bình quân thấp hơn so với kế hoạch 16% và phải xử lý thiệt hại đầu tư từ những năm trước đây theo Nghị quyết của HĐQT nhưng công ty vẫn đạt lợi nhuận sau thuế 144,5 tỷ đồng. Thực hiện trả bớt nợ



dài hạn 70 tỷ đồng. Quan tâm chăm lo đời sống người lao động, thu nhập của người lao động được cải thiện trong đó thu nhập bình quân của lao động gián

tiếp đạt 118,76% kế hoạch, thu nhập của lao động trực tiếp đạt 122,3% KH. Nguồn vốn của cổ đông được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.

Công ty thực hiện tốt các chính sách về môi trường theo quy định của pháp luật nước sở tại, đóng đầy đủ các khoản thuế theo quy định của chính phủ Việt Nam và Lào đồng thời hỗ trợ các địa phương nơi công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong khám chữa bệnh cho người dân, làm đường sá, cầu cống trên địa bàn; góp phần giữ vững an ninh trật tự.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU TRONG NƯỚC

Năm 2017, Việt Nam tiếp tục đứng vị trí thứ ba về sản lượng cao su thiên nhiên với sản lượng 1.086.700 tấn trên diện tích 971.600 ha và xuất khẩu 1.395.000 tấn đến hơn 80 thị trường, chiếm thị phần thế giới khoảng 12%, chỉ sau Thái Lan (38%) và Indonesia (27%). Nguồn cao su nhập từ các nước lân cận đã giúp Việt Nam tăng cường năng lực xuất khẩu trong những năm gần đây.

Bên cạnh những bước tiến về sản lượng, xuất khẩu và năng suất, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế chuyên ngành cao su, được đánh giá cao về những đề xuất, sáng kiến, giải pháp hữu ích đóng góp cho ngành cao su khu vực và toàn cầu.

Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam (RRIV) là thành viên của Ủy ban Nghiên cứu và Phát triển Cao su quốc tế (IRRDB), đã chia sẻ và trao đổi các kết quả nghiên cứu, ứng dụng làm tăng năng suất cây cao su với những bộ giống và chế độ thu hoạch phù hợp theo vùng sinh thái, phòng trị bệnh hiệu quả, bón phân tiết kiệm, quy trình sơ chế cao su đạt chất lượng ổn định...

Các đề xuất của VRG và VRA về giải pháp ứng phó trong thời kỳ giá thấp kéo dài như giảm giá thành; giảm công lao động thu hoạch và chăm sóc; giảm phân bón thời kỳ cây trưởng thành; tăng thu nhập qua trồng xen, chăn nuôi; thúc đẩy tái canh; phát triển sản phẩm gỗ cao su và công nghiệp chế biến cao su... được đánh giá là thiết thực, khả thi và phù hợp với xu thế của thị trường.

Bên cạnh đó, không thể không nhắc tới những thay đổi quan trọng của ngành cao su Việt Nam khi kể từ năm 2017, nhãn hiệu "Cao su Việt Nam" được sử dụng trên tất cả các sản phẩm cao su VN mà doanh nghiệp cam kết đạt quy chuẩn tiêu chuẩn và chất lượng. Mặc dù ngành cao su trong nước còn gặp nhiều khó khăn khi chất lượng sản phẩm còn chưa đồng đều, chưa có thương hiệu chung trong ngành nhưng việc đưa vào sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "Cao su Việt Nam" sẽ được kì vọng là đòn bẩy nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của doanh nghiệp Việt Nam.

Năm 2017 là cột mốc quan trọng của ngành cao su Việt Nam khi lần đầu tiên đã tiến cử được nhân sự đủ điều kiện đảm nhận chức vụ Tổng Thư ký của ANRPC – Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Bích (Phó Viện trưởng RRIV). Năm 2017 còn để lại dấu ấn sâu sắc cho bạn bè thế giới khi ba đơn vị đầu ngành cao su Việt Nam (VRG, VRA, RRIV) đã phối hợp tổ chức thành công Hội nghị Cao su năm 2017 và các cuộc họp thường niên của ANRPC tại Việt Nam. Trong các cuộc họp lần này, nhiều đề xuất của Việt Nam về giải pháp đáp ứng xu thế phát triển bền vững ngành cao su đã được ANRPC đưa vào chương trình hành động giai đoạn 2017 – 2018.

Bước sang năm 2018, ngành cao su Việt Nam có nhiều triển vọng lập kỷ lục mới vượt mốc năm 2017 về sản lượng và giá trị xuất khẩu. Đây sẽ là năm đánh dấu vai trò của ngành cao su Việt Nam ở những vị trí cao của tổ chức cao su thế giới ANRPC, không chỉ do chức danh đảm trách mà còn là những đóng góp tích cực, thiết thực cho cộng đồng cao su thế giới hướng đến sự phát triển bền vững, tăng cường cải thiện xã hội và môi trường, đồng thời, tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, kinh doanh của ngành cao su thiên nhiên.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ công ty; Đã điều hành công ty hoàn thành các chỉ tiêu chính, nhiệm vụ mà ĐHCĐ, HĐQT giao; thường xuyên xin ý kiến HĐQT về mặt chủ trương đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tham mưu cho HĐQT những giải pháp góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành nhằm tổ chức sản xuất thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHQĐGD giao, tạo lợi nhuận tích lũy, đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho Công ty;
- Phát triển thêm các dự án nông nghiệp tại Đắk Lắk, Đắk Nông – Việt Nam có hiệu quả nhằm mở rộng thêm quy mô, phát triển thêm sản phẩm mới;
- Quan tâm nâng cao chất lượng, cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng ổn định, chú trọng khâu hậu mãi;
- Tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh xuất khẩu, quảng bá sản phẩm từng bước khẳng định thương hiệu sản phẩm của DRI trên thương trường;
- Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho cổ đông.

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Chuyển sàn giao dịch từ UpCom sang Hose;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, tăng cường công tác quảng cáo tiếp thị mở rộng thị trường, khách hàng, từng bước xây dựng thương hiệu DRI có uy tín trên thị trường thế giới;
- Nghiên cứu sản xuất thêm sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn như sản phẩm CV, RSS;
- Mở rộng thêm các dự án đầu tư trên các lĩnh vực mà công ty có lợi thế tại Việt Nam kể từ năm 2018;
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý;
- Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho các cổ đông;
- Xây dựng và thực hiện lộ trình hướng tới sự phát triển cao su bền vững.



### CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

- Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mủ cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI-Daklaoruco trở thành thương hiệu được nhiều thị trường trên thế giới biết đến.
- Tiếp tục cải tạo, chăm sóc vườn điều theo hướng dẫn của Viện nghiên cứu Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên, từng bước nâng cao năng suất, sản lượng.
- Duy trì bộ máy quản lý gọn nhẹ tại công ty mẹ và công ty con Daklaoruco, làm tốt công tác quản lý, quản trị tốt giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông.
- Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động.
- Phát triển thêm dự án mới, đầu tư vào các lĩnh vực mà công ty có ưu thế, nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn Điều lệ mà hiện tại Công ty đang cho Daklaoruco vay để đầu tư trồng cao su tại Lào và nguồn vốn trích hàng năm từ Quỹ đầu tư phát triển khi công ty có lợi nhuận.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CỦA HĐQT, BĐH, BKS

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ





## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thành viên độc lập/ Điều hành	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Nguyễn Việt Tượng	CT. HĐQT	Không điều hành	11/11	100%
02	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	Độc lập	11/11	100%
03	Lê Thanh Cần	TV.HĐQT, Tổng giám đốc DRI	Điều hành	7/8	100%
04	Nguyễn Kim Hoa	TV. HĐQT	Độc lập	11/11	100%
05	Nguyễn Huy Hùng	TV.HĐQT	Độc lập	10/11	100%
06	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGD DRI, Người CBTT	Điều hành	8/8	100%
07	Nguyễn Minh	TV.HĐQT	Độc lập	7/8	100%

### Các nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/ NQ-HĐQT	12/1/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thống nhất việc đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom. Chốt danh sách cổ đông để lưu ký chứng khoán trước 17h ngày 23/1/2017</li> <li>2. Thống nhất trả nợ trước hạn cho Dakruco theo HĐTD số 01/2015/HĐTD( 25 tỷ gốc + lãi)</li> </ol>
2	Nghị quyết số 03/ NQ-HĐQT	9/3/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua chương trình, tài liệu, dự kiến nhân sự chuẩn bị cho ĐHCĐ TN 2017;</li> <li>2. Thông qua chương trình truyền thông về quan hệ cổ đông năm 2017 của Công ty(IR);</li> <li>3. Thông qua Công thức bán hàng năm 2017 cho công ty con;</li> <li>4. Quyết định thang bảng lương cho cán bộ quản lý công ty;</li> <li>5. Thông qua chủ trương cản trở công nợ giữa DRI và Daklaoruco;</li> <li>6. Giao cho DRI tìm nguồn đất phát triển thêm dự án mới tại Việt Nam.</li> </ol>
3	Nghị quyết số 04/ NQ-HĐQT	10/4/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thống nhất danh sách đề cử HĐQT, BKS để trình ĐHCĐ bầu;</li> <li>2. Thống nhất giá cổ phiếu chào bán trên sàn UpCom là 13.300 VNĐ/CP;</li> <li>3. Thống nhất trả nợ trước hạn cho Dakruco theo HĐTD số 01/2015/HĐTD( 34 tỷ gốc + lãi);</li> <li>4. Giao cho DRI làm công văn triển khai cho Daklaoruco thiết kế lại mạt sản phẩm;</li> </ol>
4	Nghị quyết số 06/ NQ-HĐQT	17/4/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bầu các chức danh Chủ tịch, phó chủ tịch, đề cử thư ký HĐQT, chỉ định Tổng giám đốc DRI</li> <li>2. Thông qua chủ trương bổ sung kế hoạch SX năm 2017 về phân bón, chi phí đầu tư XD CB, .. nhưng phải đảm bảo không vượt giá thành mủ cao su, theo NQ của ĐHCĐ.</li> <li>3. Thống nhất chủ trương kinh phí hỗ trợ cho Huyện Lào Ngam- Lào</li> </ol>
5	Biên Bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	12/5/2017	Thống nhất mức hỗ trợ kinh phí cho Huyện Lào Ngam-Lào là 400.000.000 kip

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
6	Nghị quyết số 07/ NQ-HĐQT	15/5/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Giao cho Daklaoruco theo dõi việc thực hiện hợp đồng mua bảo hiểm vườn cây tại Daklaoruco;</li> <li>Giao cho Daklaoruco làm việc với khách hàng về lịch lấy hàng cụ thể để Cty chủ động trong việc bán hàng</li> <li>Giao cho DRI làm văn bản từ chối chấp thuận đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế của Công ty Inoac Coporation do trùng tên DRI với Cty</li> <li>Thông qua chủ trương đầu tư mở rộng nhà máy chế biến</li> <li>Thông qua chủ trương bổ sung kinh phí xử lý cây cao su nghiên do gió lốc tại Lào.</li> <li>Thông nhất mạt sản phẩm mới của Công ty</li> <li>Thông qua chủ trương mua cổ phiếu quỹ.</li> </ol>
7	Nghị quyết số 08/ NQ-HĐQT	10/7/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Làm việc với Ngân hàng Lào về kế hoạch chuyển dần nguồn vốn Điều lệ DRI cho Daklaoruco vay về nước.</li> <li>Chi tạm ứng cổ tức 5% năm 2017</li> <li>Giao Daklaoruco có kế hoạch xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng đẩy mạnh việc xuất khẩu.</li> <li>Thông qua phương án mở rộng nhà máy nâng công suất dây chuyền chế biến mủ nước lên 4,5 tấn/h, dây chuyền mủ phụ lên 2,5 tấn/h</li> </ol>
8	Nghị quyết số 10/ NQ-HĐQT	6/9/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Giao Daklaoruco cân đối dòng tiền chuyển trả tiền vay của DRI để đầu tư các dự án tại VN;</li> <li>Củng cố bộ phận kinh doanh tại DRI;</li> <li>Khảo sát khách sạn Dakruco nếu tổ chức kinh doanh hiệu quả thì mua ( Kết quả là không mua do không phải là thế mạnh của Cty);</li> <li>Thông nhất cho thanh lý một số máy móc thiết bị hư hỏng và lộ trình xử lý dứt điểm những khoản thiệt hại đầu tư từ những năm trước đây trong năm 2017.</li> <li>Miễn nhiệm Ông Văn Đức Lư TGD do hết hạn HĐLĐ và bổ nhiệm Ông Lê Thanh Cần, TV.HĐQT thay cho Ông Văn Đức Lư.</li> </ol>
9	Nghị quyết số 12/ NQ-HĐQT	30/10/2017	Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản về mua xe phục vụ công tác tại DRI

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
10	Nghị quyết số 13/ NQ-HĐQT	9/11/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xem xét tham gia cổ đông chiến lược tại Công ty TNHH MTV Thuận An;</li> <li>Tìm quỹ đất xây dựng văn phòng làm việc của DRI;</li> <li>Bổ sung quỹ lương vượt kế hoạch sản lượng cho khối gián tiếp Daklaoruco;</li> <li>Chuyển thời hạn cho Daklaoruco vay vốn điều lệ của DRI từ 1 năm sang 2 năm.</li> </ol>
11	Nghị quyết số 14/ NQ-HĐQT	15/12/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Phương án thuê đất trồng ăn quả.</li> <li>Thông nhất chủ trương mua bảo hiểm vườn cây cao su kinh doanh tại Lào;</li> <li>Bổ sung chi phí tập huấn PCCC cho công nhân chế biến tại Lào.</li> <li>Thông nhất chủ trương thanh lý 97,68 ha cao su kinh doanh kém hiệu quả đưa vào tái canh năm 2018.</li> <li>Thông qua phương án IR năm 2018.</li> <li>Thông qua kế hoạch chuẩn bị chuyển sàn HOSE</li> <li>Phương án lựa chọn Cty kiểm toán BCTC 2018</li> <li>Tham gia thành viên Quỹ Tín dụng nhân dân cao su Đắk Lắk</li> <li>Kế hoạch chia cổ tức phần còn lại năm 2017.</li> </ol>

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ & tên	Chức vụ	Tham gia đào tạo về Quản trị công ty	Được cấp Chứng chỉ	Ghi chú
1	Nguyễn Việt Tượng	CT.HĐQT			Đã đăng ký học
2	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	X	X	
3	Nguyễn Kim Hoa	TV.HĐQT	X	X	
4	Nguyễn Huy Hùng	TV.HĐQT			Đã đăng ký học
5	Lê Thanh Cần	TV.HĐQT TGD DRI TV.HĐQT	X	X	
6	Nguyễn Thị Hải	PTGD DRI Người CBTT	X	X	
7	Nguyễn Minh	TV.HĐQT			Đã đăng ký học

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Công việc	Số buổi họp	Tỷ lệ
01	Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban	Chuyên trách	4/4	100%
02	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	Chuyên trách	4/4	100%
03	Ông Âu Quý Vinh	Thành viên	Chuyên trách	3/3	100%

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

#### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:
- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2015.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (1)	Tiền thưởng	Tổng thu nhập
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>226,100,000</b>	<b>72,358,068</b>	<b>298,458,068</b>
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	60,000,000	19,201,610	79,201,610
2	Bùi Quang Ninh	P. Chủ tịch	36,000,000	11,520,966	47,520,966
3	Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	24,000,000	7,680,644	31,680,644
4	Văn Đức Lư	N. Thành viên	7,000,000	2,240,188	9,240,188
5	Nguyễn Văn Cúc	N. Thành viên	7,000,000	2,240,188	9,240,188
6	Đặng Quang Trung	N. Thành viên	7,000,000	2,240,188	9,240,188
7	Nguyễn Kim Hoa	Thành viên	24,000,000	7,680,644	31,680,644
8	Lê Thanh Cần	Thành viên	16,000,000	5,120,429	21,120,429
9	Nguyễn Minh	Thành viên	16,000,000	5,120,429	21,120,429
10	Nguyễn Thị Hải	Thành viên	29,100,000	9,312,781	38,412,781
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>72,000,000</b>	<b>23,041,932</b>	<b>95,041,932</b>
1	Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban	36,000,000	11,520,966	47,520,966
2	Phan Thanh Tân	Nhân viên	18,000,000	5,760,483	23,760,483
3	Âu Quý Vinh	Nhân viên	12,750,000	4,080,342	16,830,342
4	Võ Trường Sơn	N. Nhân viên	5,250,000	1,680,141	6,930,141
<b>III.</b>	<b>Ban điều hành</b>		<b>223,401,788</b>	<b>72,747,296</b>	<b>296,149,084</b>
1	Văn Đức Lư	Tổng GD	90,997,120	28,382,215	119,379,335
2	Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng GD	101,188,429	33,848,943	135,037,373
3	Lê Thanh Cần	Phó Tổng GD	31,216,239	10,516,137	41,732,376
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>521,501,788</b>	<b>168,147,296</b>	<b>689,649,084</b>

(1) Thù lao: HĐQT; Lương: Ban Điều hành

Ông Lê Thanh Cần – Phó Tổng giám đốc hưởng lương kiêm nhiệm.

Ngày 15/4/2017 ĐHĐCĐ thường niên 2017 bầu HĐQT nhiệm kỳ 2: 03 thành viên mới là Ông Lê Thanh Cần, Ông Nguyễn Minh, Bà Nguyễn Thị Hải thay thế cho 03 thành viên của nhiệm kỳ 1 là Ông Nguyễn Văn Cúc, Ông Văn Đức Lư, Ông Đặng Quang Trung.

Ban kiểm soát: Ông Âu Quý Vinh được bầu thay cho Ông Võ Trường Sơn.

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng giảm( mua, bán, chuyển đổi)
1	Bùi Quang Ninh	PCT. HĐQT	146.316	160.000	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGD, người CBTT	467.927	486.497	Tăng tỷ lệ sở hữu
3	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban KS	73.752	100.000	Tăng tỷ lệ sở hữu
4	Dương Tín Đức	Chồng bà Nguyễn Thị Hải TV.HĐQT/PTGD/Người CBTT	51.670	0	Thu xếp tài chính cá nhân
5	Lê Thị Vân Liên	Chị dâu bà Nguyễn Thị Hải TV.HĐQT/PTGD/ Người CBTT	50.388	30.388	Thu xếp tài chính cá nhân
6	Phan Thanh Tân	TV. BKS	405.085	136.485	Thu xếp tài chính cá nhân
7	Âu Quý Vinh	TV. BKS	166.022	8.700	Thu xếp tài chính cá nhân
8	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng DRI	150.048	0	Thu xếp tài chính cá nhân
9	Nguyễn Thị Bích Trang	Em dâu bà Nguyễn Kim Hoa TV.HĐQT	91.477	0	Thu xếp tài chính cá nhân
10	Nguyễn Ái Hương	Em gái bà Nguyễn Kim Hoa TV.HĐQT	160.000	142.400	Thu xếp tài chính cá nhân

**Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với bên liên quan như sau:**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk</b>		
Trả gốc vay	49.145.724.998	4.782.125.371
Lãi tiền vay đã trả	7.237.520.713	10.233.198.263
Lãi vay phát sinh	1.556.964.712	4.608.406.370

**Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk</b>		
Tiền vay chuyển giao dự án cao su Đắk Lắk tại Lào	-	49.145.724.998
Lãi vay	-	6.391.565.862
<b>Cộng nợ phải trả</b>	-	<b>55.537.290.860</b>

**Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



## Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (công ty mẹ) và Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### 1. Thông tin chung

##### Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271719, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60
Cổ đông khác	244.500.000.000	33,40
<b>Cộng</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

##### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
Điện thoại : (84-0262) 3867676  
Fax : (84-0262) 3865303  
E-mail : dri@dakruco.com  
Mã số thuế : 6001271719

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DR1 và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng cây cao su; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; khai thác và thu gom than bùn, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn cà phê; trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động tư vấn quản lý; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; khai thác đá, cát sỏi, đất sét; hoạt động môi giới nông nghiệp, tư vấn bán hàng.

##### Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Champasak, Lào	111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004	100%

#### 2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Tương	Chủ tịch	16 tháng 9 năm 2015	-
Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Lê Thanh Cán	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017	-
Ông Nguyễn Minh	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	26 tháng 9 năm 2013	-
Ông Âu Quý Vinh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017	-

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thanh Cán	Tổng Giám đốc	16 tháng 9 năm 2017	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013	-

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Tượng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,  
  
NGUYỄN VIỆT TƯỢNG  
Chủ tịch

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 03 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

Số: 158/2018/BCKTHN-HCM.00895

**PKF**

Accountants &  
business advisers

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 17 tháng 01 năm 2018, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 7.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Số dư Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 104.982.134.606 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 172.488.181.157 VND). Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, cổ đông chiến lược của Công ty mẹ sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo kiểm toán này vào ngày 09 tháng 03 năm 2017.



TRANG ĐẶC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

3004  
CỔ  
HẠCH NH  
KIẾ  
AFC V  
17-TE

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>149.180.858.584</b>	<b>83.720.615.246</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>93.068.388.254</b>	<b>33.533.482.532</b>
Tiền	111		60.068.388.254	33.533.482.532
Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.241.773.261</b>	<b>13.159.596.244</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	420.000.000	6.158.507.383
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.231.942.024	361.229.027
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.589.831.237	6.639.859.834
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>48.408.333.031</b>	<b>25.710.318.984</b>
Hàng tồn kho	141		48.408.333.031	25.710.318.984
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>462.364.038</b>	<b>11.317.217.486</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		462.364.038	15.060.445
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.866.349
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	11.300.290.692

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.338.164.317.560</b>	<b>1.334.066.229.188</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.140.411.397.179</b>	<b>1.121.940.595.750</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.139.948.013.387	1.121.430.003.195
Nguyên giá	222		1.429.262.566.674	1.347.860.830.565
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.314.553.287)	(226.430.827.370)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	463.383.792	510.592.555
Nguyên giá	228		994.709.742	972.293.728
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(531.325.950)	(461.701.173)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>181.036.500.478</b>	<b>198.624.728.170</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	181.036.500.478	198.624.728.170
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.716.419.903</b>	<b>13.500.905.268</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	16.716.419.903	13.500.905.268
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.487.345.176.144</b>	<b>1.417.786.844.434</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>603.434.948.820</b>	<b>675.059.821.892</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>254.162.993.190</b>	<b>256.208.796.403</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	805.298.005	2.801.586.451
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	1.994.697.182	71.266.639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.886.265.851	1.413.697.468
Phải trả người lao động	314	5.13	31.831.062.501	30.738.072.196
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	11.918.637.912	7.806.089.331
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	785.050.486	7.154.398.999
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	204.891.927.848	206.223.685.319
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		50.053.405	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>349.271.955.630</b>	<b>418.851.025.489</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	349.271.955.630	418.851.025.489
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>883.910.227.324</b>	<b>742.727.022.542</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>883.910.227.324</b>	<b>742.727.022.542</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		70.713.005.706	37.439.741.854
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.197.221.618	(26.712.719.312)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(26.712.719.312)	(48.352.610.974)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		107.909.940.930	21.639.891.662
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.487.345.176.144</b>	<b>1.417.786.844.434</b>

LÊ THANH CƯỜNG  
Người lập biểuLÊ THANH CƯỜNG  
Kế toán trưởngNGUYỄN VIẾT TƯỢNG  
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 03 năm 2018

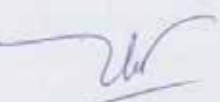
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

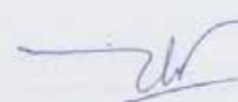
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>582.546.836.344</b>	<b>400.741.572.769</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		244.759.049	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>582.302.077.295</b>	<b>400.741.572.769</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>323.317.003.738</b>	<b>266.460.509.936</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>258.985.073.557</b>	<b>134.281.062.833</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.549.644.346	4.664.363.998
Chi phí tài chính	22	6.4	46.379.556.734	57.472.865.938
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.144.245.598	48.328.090.114
Phân lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	8.222.872.093	8.936.522.707
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	22.091.186.637	13.409.454.202
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>188.841.102.439</b>	<b>59.126.583.984</b>
Thu nhập khác	31	6.7	2.494.796.355	21.380.478.412
Chi phí khác	32	6.8	38.907.222.804	52.455.305.571
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(36.412.426.449)</b>	<b>(31.074.827.159)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>152.428.675.990</b>	<b>28.051.756.825</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.918.735.060	6.411.865.162
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>144.509.940.930</b>	<b>21.639.891.663</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		144.509.940.930	21.639.891.663
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	6.10	<b>1.974</b>	<b>296</b>



LÊ THANH CƯỜNG  
Người lập biểu



LÊ THANH CƯỜNG  
Kế toán trưởng





NGUYỄN VIỆT TƯỢNG  
Chủ tịch HĐQT  
Đắk Lắk, ngày 13 tháng 03 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

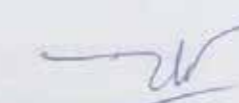
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	152.428.675.990	28.051.756.825
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	58.199.976.406	50.715.743.780
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	(865.641.538)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	488.541.291	(15.735.582.319)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.284.891.018	52.455.305.571
Chi phí lãi vay	06	37.144.245.598	48.328.090.114
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>249.546.330.303</b>	<b>162.949.672.433</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	34.862.298.729	2.717.177.509
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(23.186.555.338)	(4.843.304.069)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	4.487.674.834	6.619.669.369
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(3.215.514.635)	280.757.236
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(43.535.811.459)	(52.834.327.496)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.724.397.009)	(7.517.412.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>212.234.025.424</b>	<b>107.372.232.463</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(18.410.492.218)	(19.298.394.374)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	21.380.478.412
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	279.321.669	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(18.131.170.549)</b>	<b>2.082.084.038</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	291.021.475.866	258.497.106.830
Tiền trả nợ gốc vay	34	(388.989.425.019)	(347.257.648.999)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.600.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(134.567.949.153)</b>	<b>(88.760.542.169)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>59.534.905.722</b>	<b>20.693.774.332</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>33.533.482.532</b>	<b>12.839.708.200</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>93.068.388.254</b>	<b>33.533.482.532</b>



LÊ THANH CƯỜNG  
Người lập biểu



LÊ THANH CƯỜNG  
Kế toán trưởng





NGUYỄN VIỆT TƯỢNG  
Chủ tịch HĐQT  
Đắk Lắk, ngày 17 tháng 01 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ) là công ty cổ phần.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn (gồm công ty mẹ và công ty con) kinh doanh trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp – chế biến.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mủ cao su, gỗ cao su, điều và cà phê để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

**1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc của Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con là:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	Bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Châmpasak, Lào	100%	100%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 4.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ lần lượt được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

#### 4.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.6. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuận đó.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2016: 0,3886 LAK/VND  
31/12/2017: 0,3745 LAK/VND

#### 4.7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

**4.10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (10 năm).

**Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Giấy chứng nhận ISO**

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn****Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**4.12. Các khoản nợ phải trả và Chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hòa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.13. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### 4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lương tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 4.17. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 4.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4.19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.20. Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	390.485.969	294.038.621
Tiền gửi ngân hàng	59.677.902.285	33.239.443.911
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	33.000.000.000	-
	<b>93.068.388.254</b>	<b>33.533.482.532</b>

**5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Tân Xuân	420.000.000	-
CS Centrottrade Singapore Pte. Ltd. (Singapore)	-	2.006.743.016
Các khoản [hải thu khác		
Các khoản ghi nhận theo Kiểm toán nhà nước		
- Giảm phí đầu tư hạng mục xây dựng nhà máy	-	3.927.854.990
- Thái mua túi PE thiếu hóa đơn ghi Nợ TK 131	-	223.909.377
	<b>420.000.000</b>	<b>6.158.507.383</b>

**5.3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	2.195.229.465	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ H&K	1.800.962.579	-
Công ty vận chuyển hàng hóa quốc tế PK	204.945.260	-
Trần Phát - Gara xe Ôtô	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.030.804.720	361.229.027
	<b>5.231.942.024</b>	<b>361.229.027</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Các khoản phải thu lại theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước năm 2012 liên quan đến chi phí thiệt hại do đầu tư ngoài dự án phê duyệt				
Tạm ứng nhân viên	645.306.200	-	-	-
Lãi dự thu	136.250.000	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	3.003.054	-
Tạm ứng của nhân viên	-	-	807.453.463	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	808.275.037	-	418.001.215	-
	<b>1.589.831.237</b>	<b>-</b>	<b>6.639.859.834</b>	<b>-</b>

**5.5. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.308.911.127	-	5.805.371.092	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.796.783.615	-	3.078.538.770	-
Thành phẩm	39.302.638.289	-	16.826.409.122	-
	<b>48.408.333.031</b>	<b>-</b>	<b>25.710.318.984</b>	<b>-</b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Machinery and equipment VND		Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND		Thiết bị, dụng cụ quản lý VND		Vườn cây lâu năm VND		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
<b>Nguyên giá</b>											
Tại ngày 01/01/2017	177.941.412.319	68.455.597.900	31.173.414.555	2.566.926.355	1.067.723.479.436	1.347.860.830.565					
Mua sắm mới	-	3.766.236.708	2.563.433.063	115.492.310	-	-	-	-	-	-	6.447.162.081
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.063.186.312	-	-	-	26.486.371.517	29.551.557.829	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	(805.167.789)	(4.169.987.367)	-	(284.509.829)	(82.364.999)	(5.342.029.984)	-	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá (*)	6.699.529.810	2.577.366.970	1.173.685.301	94.461.270	40.200.002.832	50.745.046.183	-	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2017	<b>186.898.960.652</b>	<b>70.631.214.211</b>	<b>34.910.532.919</b>	<b>2.492.370.106</b>	<b>1.134.329.488.786</b>	<b>1.429.262.566.674</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>											
Tại ngày 01/01/2017	71.309.713.726	34.516.632.473	19.842.484.856	2.495.956.747	98.266.039.568	226.430.827.370					
Khấu hao trong năm	10.548.294.887	6.684.024.326	2.493.544.272	46.482.342	38.365.851.407	58.138.197.234					
Thanh lý, nhượng bán	(210.898.398)	(3.282.803.495)	-	(284.509.829)	394.425	(3.777.617.297)					
Chênh lệch tỷ giá (*)	2.684.825.003	1.299.558.125	747.073.529	92.153.254	3.699.736.069	8.523.345.980					
Tại ngày 31/12/2017	<b>84.331.936.218</b>	<b>39.217.411.429</b>	<b>23.083.102.657</b>	<b>2.350.082.514</b>	<b>140.332.021.469</b>	<b>289.314.553.287</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>											
Tại ngày 01/01/2017	106.631.698.593	33.938.965.427	11.330.929.699	70.969.608	969.457.439.868	1.121.430.003.195					
Tại ngày 31/12/2017	<b>102.567.025.434</b>	<b>31.413.802.782</b>	<b>11.827.430.262</b>	<b>142.287.592</b>	<b>993.997.467.317</b>	<b>1.139.948.013.387</b>					

Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 31/12/2017	29.078.165.677	8.607.541.292	11.045.711.858	2.168.909.928	-	50.900.328.755
---------------------	----------------	---------------	----------------	---------------	---	----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.074.114.308.972 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

(\*)Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy chứng nhận ISO VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2017	376.918.020	595.375.708	972.293.728
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	22.416.014	22.416.014
Tại ngày 31/12/2017	<b>376.918.020</b>	<b>617.791.722</b>	<b>994.709.742</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2017	253.319.675	208.381.498	461.701.173
Khấu hao trong năm	-	61.779.172	61.779.172
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	7.845.605	7.845.605
Tại ngày 31/12/2017	<b>253.319.675</b>	<b>278.006.275</b>	<b>531.325.950</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2017	123.598.345	386.994.210	510.592.555
Tại ngày 31/12/2017	<b>123.598.345</b>	<b>339.785.447</b>	<b>463.383.792</b>

(\*)Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Là chi phí đầu tư xây dựng:		
Vườn Cao su	179.678.913.680	184.962.126.294
Vườn Café	-	12.627.094.115
Vườn rừng	112.310.809	1.035.507.761
Đầu tư khác	1.245.275.989	-
	<b>181.036.500.478</b>	<b>198.624.728.170</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 178.227.953.397 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

**5.9. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trụ sở Công ty tại Việt Nam	86.037.745	301.060.217
Văn phòng Công ty tại Lào	1.585.463.215	36.917.997
Nông trường 1	2.361.288.777	2.386.688.160
Nông trường 2	1.942.701.637	1.457.514.180
Nông trường 3	7.908.627.372	7.667.519.710
Nông trường 4	711.155.463	653.597.727
Xí nghiệp chế biến mủ	2.121.145.694	997.607.277
	<b>16.716.419.903</b>	<b>13.500.905.268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buon Ma Thuot, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty Mah Sing Plastic Industries SDN.BHD	-	249.793.433
Công ty Xuất Nhập Khẩu KhoneSaVanh	-	82.218.219
Công ty CP Cát Lái	32.877.938	206.272.182
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	-	41.303.471
Xăng dầu Petrovietnam oil Lao Co Ltd	204.325.768	1.477.097.272
Công ty TNHH SX-TM-DV H&K	-	54.054.555
Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Số 1	107.386.916	368.890.067
Văn phòng công nhận chất lượng	-	46.116.284
Các nhà cung cấp khác	460.707.383	275.840.968
	<b>805.298.005</b>	<b>2.801.586.451</b>

**5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Trả trước của khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Tân An Thịnh Việt Nam	1.690.966.622	-
Công ty UKKO	303.730.560	-
Các khách hàng khác	-	71.266.639
	<b>1.994.697.182</b>	<b>71.266.639</b>

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm			31/12/2017
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	28.270.422	-	-	-	(28.270.422)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(119.329.112)	7.918.735.060	(8.390.859.002)	(4.492.765)	1.070.516.174
Thuế thu nhập cá nhân	1.466.289.401	-	8.352.667.254	(9.056.546.718)	53.339.740	815.749.677
Tiền thuế đất	-	-	1.348.207.883	(1.348.207.883)	-	-
Các loại thuế khác	38.466.757	(1.866.349)	3.000.000	(42.915.038)	1.448.281	-
	<b>1.533.026.580</b>	<b>(121.195.461)</b>	<b>17.622.610.197</b>	<b>(18.838.528.641)</b>	<b>22.024.834</b>	<b>1.886.265.851</b>

(\*)Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.
- Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong kỳ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buon Ma Thuot, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Đối với Công ty con, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cao mủ, sau đó phải nộp thuế lợi tức tính trên doanh thu bán thành phẩm với tỷ suất 5% và thuế suất 20%. Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

**Tiền thuế đất**

Công ty con phải nộp tiền thuế đất với giá là 6USD/ha/năm. Công ty con được miễn tiền thuế đất trong 07 năm đầu phát triển dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với các bộ phận có liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty con có nghĩa vụ nộp tiền thuế đất.

**Các loại thuế khác**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

**5.13. Phải trả người lao động**

Là tiền lương tháng 12 và lương hiệu quả kinh doanh còn phải trả cho người lao động:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Văn phòng Công ty	1.815.533.410	692.870.140
Nông trường 1	6.750.774.737	6.880.232.810
Nông trường 2	4.734.030.740	3.661.079.974
Nông trường 3	5.514.345.380	4.631.915.916
Nông trường 4	2.979.460.045	2.274.087.159
Xí nghiệp chế biến mủ	1.675.967.469	1.119.908.580
Lương hoàn thành mục tiêu toàn Công ty	8.360.950.720	11.477.977.617
	<b>31.831.062.501</b>	<b>30.738.072.196</b>

**5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân</b>		
Tiền thuế đất	3.860.738.035	121.690.152
Chi phí xây dựng cơ bản	5.457.405.340	5.259.365.157
Trích trước chi phí triển khai dự án ở các Nông trường	2.123.848.110	1.921.243.857
Chi phí phải trả khác	476.646.427	503.790.165
	<b>11.918.637.912</b>	<b>7.806.089.331</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk – Phải trả tiền lãi vay	-	6.391.565.862
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Phải trả góp vốn chỉ thụn	64.842.198	12.763.767
Kinh phí công đoàn	7.286.420	-
Bảo hiểm xã hội	18.885.180	-
Các khoản thiết kế xây dựng cơ bản	319.131.405	-
Chi phí thuê đất liên kết	87.251.455	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	206.367.550	-
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	20.383.802	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	60.902.476	750.069.370
	<b>785.050.486</b>	<b>7.154.398.999</b>

**5.16. Vay và nợ thuê tài chính**

**5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>				
- Ngân hàng Việt Lào (i)	70.050.243.632	204.891.927.848	63.304.168.811	63.304.168.811
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	89.684.221.007	-	78.467.515.381	78.467.515.381
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>45.157.463.209</b>	<b>70.050.243.632</b>	<b>64.452.001.127</b>	<b>64.452.001.127</b>
	<b>204.891.927.848</b>	<b>89.684.221.007</b>	<b>206.223.685.319</b>	<b>206.223.685.319</b>

- (i) Khoản vay với hạn mức 40.000.000.000 LAK tại Ngân hàng Việt Lào (LaoVietBank) theo hợp đồng tín dụng số 38/HĐTD.LVB.CPS ngày 11 tháng 5 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng món vay cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 476 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 24 tháng 8 năm 2009, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 08 tháng 5 năm 2010.

Ngày 22/05/2017 Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 67/HĐTD.LVB.CPS, hạn mức tín dụng 40.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động, thay thế cho hợp đồng số 38/HĐTD.LVB.CPS ngày 11 tháng 5 năm 2016. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009.

- (ii) Khoản vay với hạn mức 50 tỷ LAK tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD/2016/PGD.CPS ngày 01 tháng 7 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 7%/năm (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

của Ngân hàng). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Vay ngắn hạn VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	141.771.684.192	64.452.001.127	206.223.685.319
Số tiền vay phát sinh trong năm	291.021.475.866	-	291.021.475.866
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	22.864.585.917	22.864.585.917
Chênh lệch tỷ giá	677.455.319	125.115.821	802.571.140
Số tiền vay đã trả trong năm	(279.073.883.041)	(44.710.870.406)	(323.784.753.447)
Chênh lệch tỷ giá (*)	5.337.732.302	2.426.630.751	7.764.363.053
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>159.734.464.638</b>	<b>45.157.463.210</b>	<b>204.891.927.848</b>

(\*)Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn với các bên liên quan</b>				
- Cán bộ công nhân viên	-	-	16.058.946.574	16.058.946.574
- Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk	-	-	49.145.724.998	49.145.724.998
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (i)	349.271.955.630	349.271.955.630	353.646.353.917	353.646.353.917
	<b>349.271.955.630</b>	<b>349.271.955.630</b>	<b>418.851.025.489</b>	<b>418.851.025.489</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 06/HĐTD/2013/KHDN ngày 05 tháng 6 năm 2013 với lãi suất ban đầu là 8%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK), mức lãi suất trên sẽ thay đổi theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm vay để thực hiện dự án đầu tư "Phát triển cao su, cà phê, điều tại các tỉnh Nam Lào". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là giá trị vườn cây cao su tại Nông trường 2 và một phần diện tích vườn cây cao su tại Nông trường 4 tại tỉnh Salavan.

Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty con tiếp tục ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ công ty mẹ đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (ii) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng vay số 02/HĐVV-2015-DRI ngày 12 tháng 1 năm 2015 và hợp đồng vay số 01/HĐVV-2015-DRI ngày 12 tháng 1 năm 2015, thời gian vay tối đa 7 năm với số tiền vay là 136.058.946.574 VND. Tiền vay sử dụng để đầu tư cho dự án đầu tư và phát triển cao su, điều, ca cao tại các tỉnh Nam Lào.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào VND	Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk VND	Vay dài hạn các cá nhân VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	353.646.353.917	49.145.724.998	16.058.946.574	418.851.025.489
Trình bày lại	5.175.331.582	-	-	5.175.331.582
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(49.145.724.998)	(16.058.946.574)	(65.204.671.572)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(22.864.585.917)	-	-	(22.864.585.917)
Chênh lệch tỷ giá (*)	13.314.856.048	-	-	13.314.856.048
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>349.271.955.630</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>349.271.955.630</b>

(\*)Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**5.16.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**5.17. Vốn chủ sở hữu****5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	732.000.000.000	92.548.142.480	(51.955.181.156)	772.592.961.324
Lợi nhuận năm 2016	-	-	21.639.891.663	21.639.891.663
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(55.108.400.626)	3.602.570.181	(51.505.830.445)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>37.439.741.854</b>	<b>(26.712.719.312)</b>	<b>742.727.022.542</b>
Tại ngày 01/01/2017	732.000.000.000	37.439.741.854	(26.712.719.312)	742.727.022.542
Lợi nhuận năm 2017	-	-	144.509.940.930	144.509.940.930
Chia cổ tức	-	-	(36.600.000.000)	(36.600.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	33.273.263.852	-	33.273.263.852
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>70.713.005.706</b>	<b>81.197.221.618</b>	<b>883.910.227.324</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông**

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60	487.500.000.000	66,60
Các cổ đông khác	244.500.000.000	33,40	244.500.000.000	33,40
	<b>732.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>732.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**5.17.3 Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Trong năm, Công ty đã tạm ứng cổ tức 5% bằng tiền mặt theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 8 năm 2017.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

Doanh thu bán thành phẩm.

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm mù cao su	322.981.992.633	263.406.263.405
Giá vốn khác	335.011.105	3.054.246.531
	<b>323.317.003.738</b>	<b>266.460.509.936</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	106.670.232	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	172.651.437	-
Lãi tiền cho vay	-	119.106.337
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.270.322.677	4.338.547.728
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	206.709.933
	<b>6.549.644.346</b>	<b>4.664.363.998</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	37.144.245.598	48.328.090.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.572.802.217	129.220.922
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	488.541.291	8.215.813.327
Chi phí tài chính khác	1.173.967.628	799.741.573
	<b>46.379.556.734</b>	<b>57.472.865.938</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	2.763.611.445	1.871.719.157
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.507.894.571	998.655.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.432.230	319.406.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.863.822.550	4.745.681.125
Các chi phí khác	756.111.297	1.001.059.959
	<b>8.222.872.093</b>	<b>8.936.522.707</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	8.123.646.387	7.733.693.754
Chi phí đồ dùng văn phòng	601.569.120	1.132.192.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.388.210.405	2.278.920.184
Chi phí dự phòng	76.754.975	474.430.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.770.115.131	901.060.583
Chi phí khác	4.130.890.619	889.156.837
	<b>22.091.186.637</b>	<b>13.409.454.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**  
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.7. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	21.380.478.412
Thu nhập từ bán múi đất	2.494.796.355	-
	<b>2.494.796.355</b>	<b>21.380.478.412</b>

**6.8. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	625.054.222	52.455.305.571
Xử lý thiệt hại đầu tư theo Thông báo số 56 của Hội đồng quản trị	37.827.858.881	-
Chi phí khác	454.309.701	-
	<b>38.907.222.804</b>	<b>52.455.305.571</b>

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.040.127.394	45.121.151.972
Chi phí nhân công	232.553.252.381	185.786.983.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.199.976.406	50.913.252.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.060.434.337	8.796.657.688
Chi phí khác	13.887.309.583	5.308.932.787
	<b>374.741.100.101</b>	<b>295.926.978.721</b>

**6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	144.509.940.930	21.639.891.663
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	144.509.940.930	21.639.891.663
Cổ phiếu phổ thông công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)(*)	73.200.000	73.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.974</b>	<b>296</b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.200.000	73.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>73.200.000</b>	<b>73.200.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	291.021.475.866	258.497.106.830
	<b>291.021.475.866</b>	<b>258.497.106.830</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	388.989.425.019	347.257.648.999
	<b>388.989.425.019</b>	<b>347.257.648.999</b>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk</b>		
Trả gốc vay	49.145.724.998	4.782.125.371
Lãi tiền vay đã trả	7.237.520.713	10.233.198.263
Lãi vay phát sinh	1.556.964.712	4.608.406.370

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk</b>		
Tiền vay chuyển giao dự án cao su Đắk Lắk tại Lào	-	49.145.724.998
Lãi vay	-	6.391.565.862
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>55.537.290.860</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan năm 2017 là 807.384.798 VND (năm 2016 là: 653.678.319 VND).

**8.2 Công cụ tài chính**

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tỷ giá hối đoái giữa đồng LAK và VND ít biến động.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Tiền gửi ngân hàng**

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Các khoản vay và nợ	204.891.927.848	349.271.955.630	554.163.883.478
Phải trả người bán	805.298.005	-	805.298.005
Chi phí phải trả	11.918.637.912	-	11.918.637.912
Phải trả khác	785.050.486	-	785.050.486
	<b>218.400.914.251</b>	<b>349.271.955.630</b>	<b>567.672.869.881</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>			
Các khoản vay và nợ	206.223.685.319	418.851.025.489	625.074.710.808
Phải trả người bán	2.801.586.451	-	2.801.586.451
Chi phí phải trả	7.806.089.331	-	7.806.089.331
Phải trả khác	7.154.398.999	-	7.154.398.999
	<b>223.985.760.100</b>	<b>418.851.025.489</b>	<b>642.836.785.589</b>

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã cầm cố tài sản cố định hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.6 và 5.8).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.068.388.254	33.533.482.532	93.068.388.254	33.533.482.532
Phải thu khách hàng	437.776.000	6.158.507.383	437.776.000	6.158.507.383
Các khoản phải thu khác	1.589.831.237	6.639.859.834	1.589.831.237	6.639.859.834
	<b>95.095.995.491</b>	<b>46.331.849.749</b>	<b>95.095.995.491</b>	<b>46.331.849.749</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	554.163.883.478	625.074.710.808	554.163.883.478	625.074.710.808
Phải trả người bán	805.298.005	2.801.586.451	805.298.005	2.801.586.451
Chi phí phải trả	11.918.637.912	7.806.089.331	11.918.637.912	7.806.089.331
Phải trả khác	785.050.486	7.154.398.999	785.050.486	7.154.398.999
	<b>567.672.869.881</b>	<b>642.836.785.589</b>	<b>567.672.869.881</b>	<b>642.836.785.589</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**8.3 Thông tin về bộ phận**

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là trồng cây cao su, chế biến mủ cao su và trong một khu vực địa lý là tỉnh Champasak và tỉnh Salavan của Lào.


**8.4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tình hình tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 104.982.134.606 VND (01/01/2017: 172.488.181.157 VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc cổ đông chiến lược tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng các cổ đông chiến lược sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

**8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

  
LÊ THANH CƯỜNG  
Người lập

  
LÊ THANH CƯỜNG  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN VIỆT TƯỢNG  
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 03 năm 2018

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 04 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Số điện thoại: (262) 3 867 676

Số fax: (262) 3 865 303

Website: [www.dri.com.vn](http://www.dri.com.vn)